NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆT NAM	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số 2057/VBHN-NHNo-TD	*Hà Nội, ngày 17 tháng 02 năm 2025*

AGRIBANK TỈNH HẢI DƯƠNG
ĐẾN Số: 466
Ngày: 18/02/25
Chuyển:
Số và ký hiệu HS:

VĂN BẢN HỢP NHẤT
Quy chế cho vay đối với khách hàng trong hệ thống Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam

Quy chế số 656/QC-HĐTV-TD ngày 31/8/2023 của Hội đồng thành viên về cho vay đối với khách hàng trong hệ thống Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam, có hiệu lực từ ngày 01/9/2023, được sửa đổi, bổ sung bởi:

1. Quy chế số 579/QC-HĐTV-TD ngày 28/6/2024 của Hội đồng thành viên về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế 656/QC-HĐTV-TD ngày 31/8/2023 của Hội đồng thành viên về cho vay đối với khách hàng trong hệ thống Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam (gọi tắt là Quy chế số 579/QC-HĐTV-TD), có hiệu lực từ ngày 01/7/2024;

2. Quy chế 1546/QC-HĐTV-TD ngày 27/12/2024 của Hội đồng thành viên về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế 656/QC-HĐTV-TD ngày 31/8/2023 của Hội đồng thành viên về cho vay đối với khách hàng trong hệ thống Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam (gọi tắt là Quy chế số 1546/QC-HĐTV-TD), có hiệu lực từ ngày 01/01/2025.

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng ngày 16/6/2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng ngày 20/11/2017;

Căn cứ Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng (Thông tư số 39/2016/TT-NHNN);

Căn cứ Thông tư số 06/2023/TT-NHNN ngày 28/6/2023 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 39/2016/TT-NHNN (Thông tư số 06/2023/TT-NHNN);

Căn cứ Thông tư số 10/2023/TT-NHNN ngày 23/8/2023 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngưng hiệu lực thi hành một số nội dung của Thông tư số 39/2016/TT-NHNN (đã được bổ sung tại Thông tư số 06/2023/TT-NHNN);

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam (Agribank) ban hành theo Quyết định số 600/QĐ-HĐTV ngày 23/4/2012 của Hội đồng thành viên và các văn bản sửa đổi, bổ sung;

Căn cứ Nghị quyết số 152/NQ-HĐTV ngày 31/8/2023 của Hội đồng thành viên Agribank;

Theo đề nghị của Tổng Giám đốc;

Hội đồng thành viên ban hành Quy chế cho vay đối với khách hàng trong hệ thống Agribank.[1]

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về hoạt động cho vay đối với khách hàng của Agribank.

2. Đối tượng áp dụng

a) Các đơn vị, cá nhân có liên quan thuộc Agribank.

b) Pháp nhân và cá nhân là khách hàng vay vốn của Agribank.

c) Quy chế này không áp dụng đối với Chi nhánh Agribank ở nước ngoài, khách hàng vay là các tổ chức tín dụng khác.

Điều 2. Giải thích từ ngữ, các từ viết tắt

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Các từ viết tắt:

a) *Ban Thẩm định* là Ban Thẩm định và phê duyệt tín dụng;

---

[1] Quy chế số 579/QC-HĐTV-TD có căn cứ ban hành như sau:

"Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng ngày 18/01/2024;

Căn cứ Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng (Thông tư số 39/2016/TT-NHNN); Thông tư số 06/2023/TT-NHNN ngày 28/6/2023;Thông tư số 10/2023/TT-NHNN ngày 23/8/2023 và Thông tư số 12/2024/TT-NHNN ngày 28/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 39/2016/TT-NHNN;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam (Agribank) ban hành kèm theo Quyết định số 600/QĐ-HĐTV ngày 23/4/2012 của Hội đồng thành viên và các văn bản sửa đổi, bổ sung;

Căn cứ Nghị quyết số 115/NQ-HĐTV ngày 28/6/2024 của Hội đồng thành viên;

Theo đề nghị của Tổng Giám đốc;

Hội đồng thành viên ban hành Quy chế sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế số 656/QC-HĐTV-TD ngày 31/8/2023 của Hội đồng thành viên về cho vay đối với khách hàng trong hệ thống Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam (Quy chế số 656/QC-HĐTV-TD)."

1 Quy chế số 1546/QC-HĐTV-TD có căn cứ ban hành như sau:

"Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng ngày 18/01/2024;

Căn cứ Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng và các Thông tư sửa đổi, bổ sung;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam (Agribank) số 1200/ĐL-HĐTV-PC ngày 10/10/2024 của Hội đồng thành viên;

Căn cứ Nghị quyết số 219/NQ-HĐTV ngày 25/12/20242024 của Hội đồng thành viên;

Theo đề nghị của Tổng Giám đốc;

Hội đồng thành viên ban hành Quy chế sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế số 656/QC-HĐTV-TD ngày 31/8/2023 của Hội đồng thành viên về cho vay đối với khách hàng trong hệ thống Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam (Quy chế số 656/QC-HĐTV-TD)."

b) *Hội đồng thành viên* là Hội đồng thành viên Agribank;

c) *IPCAS* là hệ thống thanh toán nội bộ và kế toán khách hàng của Agribank;

d) *NHNN* là Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

đ) *TCTD* là Tổ chức tín dụng;

e) *Tổng Giám đốc* là Tổng Giám đốc Agribank;

g) *Trụ sở chính* là Trụ sở chính của Agribank;

h) *Trung tâm phê duyệt* là Trung tâm phê duyệt tín dụng khu vực;

i) *VAMC* là Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Quản lý tài sản của các TCTD Việt Nam.

2. *Agribank nơi cho vay* là Agribank nơi trực tiếp giao kết Thỏa thuận cho vay, giải ngân, quản lý việc sử dụng tiền vay, thu hồi nợ (bao gồm cả việc giao cho Chi nhánh cấp dưới/Phòng giao dịch thực hiện một, một số khâu của quy trình cho vay).

3. *Ân hạn* là khoảng thời gian kể từ ngày khách hàng nhận tiền vay lần đầu tiên cho đến hết ngày trước liền kề ngày bắt đầu của kỳ trả nợ gốc đầu tiên.

4. [2]*Cấp tín dụng* là việc Agribank thỏa thuận để khách hàng sử dụng một khoản tiền hoặc cam kết cho phép sử dụng một khoản tiền theo nguyên tắc có hoàn trả bằng nghiệp vụ cho vay, chiết khấu, cho thuê tài chính, bao thanh toán, bảo lãnh ngân hàng, thư tín dụng và các nghiệp vụ cấp tín dụng khác.

5. [3]*Cho vay* là hình thức cấp tín dụng thông qua việc Agribank giao hoặc cam kết giao cho khách hàng một khoản tiền để sử dụng vào mục đích xác định, trong một thời gian nhất định, theo nguyên tắc có hoàn trả cho Agribank đầy đủ tiền gốc, lãi theo thỏa thuận.

6. *Cho vay phục vụ nhu cầu đời sống* là việc Agribank cho vay đối với khách hàng là cá nhân để thanh toán các chi phí cho mục đích tiêu dùng, sinh hoạt của cá nhân, gia đình của cá nhân đó.

7. *Cho vay phục vụ hoạt động kinh doanh, hoạt động khác* (sau đây gọi là hoạt động kinh doanh) là việc Agribank cho vay đối với khách hàng là pháp nhân, cá nhân nhằm đáp ứng nhu cầu vốn ngoài nhu cầu vốn tại khoản 6 Điều này, bao gồm nhu cầu vốn của pháp nhân, cá nhân đó và nhu cầu vốn của hộ kinh doanh, doanh nghiệp tư nhân mà cá nhân đó là chủ hộ kinh doanh, chủ doanh nghiệp tư nhân.

8. *Cơ cấu lại thời hạn trả nợ* là việc Agribank chấp thuận điều chỉnh kỳ hạn trả nợ, gia hạn nợ như sau:

---

[2] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 1 Quy chế số 579/QC-HĐTV-TD, có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2024.

[3] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 1 Quy chế số 579/QC-HĐTV-TD, có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2024.

a) Điều chỉnh kỳ hạn trả nợ là việc Agribank chấp thuận kéo dài thêm một khoảng thời gian trả nợ một phần hoặc toàn bộ nợ gốc và/hoặc lãi tiền vay của kỳ hạn trả nợ đã thoả thuận (bao gồm cả trường hợp không thay đổi về số kỳ hạn trả nợ đã thỏa thuận), thời hạn cho vay không thay đổi;

b) Gia hạn nợ là việc Agribank chấp thuận kéo dài thêm một khoảng thời gian trả nợ gốc và/hoặc lãi tiền vay, vượt quá thời hạn cho vay đã thoả thuận.

9. *Dư nợ gốc quá hạn bao gồm:*

a) Số dư nợ gốc mà khách hàng không trả được nợ đúng hạn theo thỏa thuận và không được Agribank chấp thuận cơ cấu lại thời hạn trả nợ;

b) Số dư nợ gốc mà khách hàng không trả được khi Agribank chấm dứt cho vay, thu hồi nợ trước hạn.

10. *Giới hạn tín dụng* là tổng mức cấp tín dụng cao nhất đối với một khách hàng tại Agribank.

11. *Thỏa thuận cho vay* là văn bản giao kết giữa Agribank và khách hàng dưới hình thức Hợp đồng tín dụng/Sổ vay vốn.

12. *Hiệu lực của Thỏa thuận cho vay*: Thỏa thuận cho vay có hiệu lực từ thời điểm giao kết hoặc thời điểm do các bên thỏa thuận.

13. *Thời hạn cho vay* là khoảng thời gian được tính từ ngày tiếp theo của ngày Agribank giải ngân vốn vay cho khách hàng cho đến thời điểm khách hàng phải trả hết nợ gốc và lãi tiền vay theo thỏa thuận của Agribank và khách hàng. Trường hợp ngày cuối cùng của thời hạn cho vay là ngày lễ hoặc ngày nghỉ hàng tuần thì chuyển sang ngày làm việc tiếp theo. Đối với thời hạn cho vay không đủ một ngày thì thực hiện theo quy định tại Bộ luật Dân sự về thời điểm bắt đầu thời hạn.

14. *Kỳ hạn trả nợ* là các khoảng thời gian trong thời hạn cho vay đã thoả thuận mà tại cuối mỗi khoảng thời gian đó khách hàng phải trả một phần hoặc toàn bộ nợ gốc và/hoặc lãi tiền vay cho Agribank.

15. *Khả năng tài chính* là khả năng về vốn, tài sản, các nguồn tài chính hợp pháp khác của khách hàng.

16. *Hạn mức cho vay tối đa* là tổng mức dư nợ được phép cho vay đối với một khách hàng.

17. *Thời hạn trả nợ* là khoảng thời gian xác định trong thời hạn cho vay được tính từ ngày bắt đầu của kỳ trả nợ đầu tiên cho đến ngày trả nợ cuối cùng của kỳ trả nợ cuối cùng được cam kết trong Thỏa thuận cho vay.

18. *Thẩm định* là việc phân tích, đánh giá các điều kiện vay vốn để đề xuất mức cho vay, thời hạn cho vay và các nội dung khác (nếu có) trên cơ sở hồ sơ, thông tin về khoản vay do Người quan hệ khách hàng cung cấp.

19. *Thẩm định lại* là việc rà soát, đánh giá lại một/một số hoặc toàn bộ kết quả thẩm định theo quy định và/hoặc theo yêu cầu của người có thẩm quyền trên cơ sở hồ sơ, thông tin về khoản vay, khách hàng vay.

20. *Vốn đối ứng* là vốn khách hàng tham gia vào phương án sử dụng vốn. Vốn đối ứng có thể bằng tiền, giá trị tài sản; đối với cá nhân vay vốn đáp ứng nhu cầu hoạt động kinh doanh, giá trị vốn đối ứng có thể tính cả chi phí nhân công khi khách hàng trực tiếp tham gia phương án, dự án.

21. *Người quan hệ khách hàng* là người tiếp xúc với khách hàng để triển khai, cung cấp các sản phẩm, dịch vụ của Agribank; thực hiện các công việc theo Điều 45 Quy chế này. Người quan hệ khách hàng là người thuộc Phòng giao dịch, Phòng Khách hàng, Ban Khách hàng.

22. *Người thẩm định* là người thực hiện công việc thẩm định khoản vay. Người thẩm định thực hiện các công việc theo khoản 1 Điều 46 Quy chế này.

Người thẩm định là Tổ trưởng Tổ Kinh doanh, Giám đốc/Phó Giám đốc Phòng giao dịch; người thuộc Phòng Thẩm định/Bộ phận thẩm định; hoặc người khác thuộc Phòng giao dịch, Phòng Khách hàng do Người có thẩm quyền Agribank nơi cho vay phân công, giao nhiệm vụ.

23. *Người thẩm định lại* là người thực hiện công việc thẩm định lại khoản vay. Người thẩm định lại thực hiện các công việc theo khoản 2 hoặc khoản 3 Điều 46 Quy chế này.

Người thẩm định lại là người thuộc Phòng giao dịch, Phòng Khách hàng, Phòng Thẩm định/Bộ phận thẩm định, Ban Thẩm định/Trung tâm phê duyệt hoặc người khác được người có thẩm quyền phân công, giao nhiệm vụ.

24. [4]Người quyết định cho vay là người có thẩm quyền tại Agribank nơi cho vay quyết định cho vay/không cho vay, ký trên Báo cáo đề xuất cho vay/Báo cáo thẩm định (nếu có). Trường hợp Người quyết định cho vay là Hội đồng tín dụng Chi nhánh loại I, Chủ tịch Hội đồng tín dụng thay mặt Hội đồng tín dụng Chi nhánh loại I ký trên Báo cáo đề xuất cho vay/Báo cáo thẩm định (nếu có).

Người quyết định cho vay thực hiện các công việc theo khoản 1 Điều 48 Quy chế này.

25. [5]Người phê duyệt cho vay là người có thẩm quyền phê duyệt/không phê duyệt cho vay đối với các khoản vay vượt thẩm quyền của cấp dưới theo quy định của Agribank từng thời kỳ. Trường hợp Người phê duyệt cho vay là Hội đồng tín dụng Chi nhánh loại I, Chủ tịch Hội đồng tín dụng thay mặt Hội đồng tín dụng Chi nhánh loại I ký trên Báo cáo thẩm định lại.

Người phê duyệt cho vay thực hiện các công việc theo khoản 2 Điều 48

---

[4] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Quy chế số 1546/QC-HĐTV-TD, có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2025.

[5] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Quy chế số 1546/QC-HĐTV-TD, có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2025.

Quy chế này.

26. *Người giao kết hợp đồng tín dụng* là người đại diện của Agribank ký kết Thỏa thuận cho vay với khách hàng.

Người giao kết hợp đồng tín dụng thực hiện các công việc theo khoản 1 Điều 50 Quy chế này.

27. *Người phê duyệt giải ngân* là người có thẩm quyền ký phê duyệt/không phê duyệt trên Báo cáo đề xuất giải ngân, Giấy nhận nợ.

Người phê duyệt giải ngân thực hiện các công việc theo khoản 2 Điều 50 Quy chế này.

28. *Người kiểm soát khoản vay* là người thực hiện công việc kiểm soát nội dung báo cáo thẩm định lại tại nơi phê duyệt vượt thẩm quyền, kiểm soát Báo cáo đề xuất giải ngân, Báo cáo đề xuất cơ cấu lại thời hạn trả nợ, Báo cáo đề xuất xử lý nợ, thực hiện các công việc theo Điều 49 Quy chế này và nhiệm vụ khác theo quy định của Agribank.

Người kiểm soát khoản vay là người thuộc Phòng giao dịch (trong trường hợp Phòng giao dịch không có Tổ trưởng Tổ Kinh doanh), Tổ trưởng Tổ Kinh doanh, Giám đốc/Phó Giám đốc Phòng giao dịch; lãnh đạo Phòng Khách hàng, Phòng Thẩm định; Lãnh đạo/Trưởng, phó nghiệp vụ Ban Thẩm định, Trung tâm phê duyệt.

29. *Người kiểm tra khoản vay vượt thẩm quyền* là người thực hiện công việc kiểm tra các khoản vay phê duyệt vượt thẩm quyền. Người kiểm tra khoản vay vượt thẩm quyền thực hiện các công việc theo khoản 1 Điều 51 Quy chế này.

Người kiểm tra khoản vay vượt thẩm quyền là người thuộc Phòng Kiểm tra, giám sát nội bộ/Ban Kiểm tra, giám sát nội bộ hoặc người thuộc đơn vị khác do Tổng Giám đốc giao.

30. *Người giám sát khoản vay vượt thẩm quyền* là người thực hiện công việc giám sát các khoản vay phê duyệt vượt thẩm quyền. Người giám sát khoản vay vượt thẩm quyền thực hiện các công việc theo khoản 2 Điều 51 Quy chế này.

Người giám sát khoản vay vượt thẩm quyền là người thuộc Phòng Thẩm định/Bộ phận thẩm định, Ban Thẩm định/Trung tâm phê duyệt.

31. *Người quản lý nợ* là người thực hiện công việc soạn thảo Thỏa thuận cho vay, Hợp đồng bảo đảm, đề xuất giải ngân, kiểm tra, giám sát việc sử dụng vốn vay, theo dõi đôn đốc thu hồi nợ và xử lý những vấn đề phát sinh liên quan đến nợ vay. Người quản lý nợ thực hiện các công việc theo Điều 52 Quy chế này.

Người quản lý nợ là người thuộc Phòng giao dịch, Phòng Khách hàng, Phòng xử lý nợ. Người quản lý nợ có thể là Người quan hệ khách hàng.

32. *Người quản lý nợ có vấn đề* thực hiện các công việc của Người quản lý nợ khi khoản vay trở thành khoản nợ có vấn đề.

Người quản lý nợ có vấn đề là người thuộc Phòng giao dịch, Phòng Khách hàng, Phòng xử lý nợ, Phòng Kế hoạch và Quản lý rủi ro.

33. *Phòng Khách hàng* là phòng nghiệp vụ tại Chi nhánh có nhiệm vụ tham mưu, đề xuất cho vay, quản lý khoản vay, xử lý thu hồi nợ (Phòng Khách hàng, Phòng Khách hàng doanh nghiệp, Phòng Khách hàng cá nhân...).

34. *Phòng Thẩm định* là phòng nghiệp vụ tại Chi nhánh có nhiệm vụ theo quy định của Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc từng thời kỳ.

35. *Bộ phận thẩm định* là bộ phận thẩm định chuyên trách thuộc Phòng Khách hàng doanh nghiệp chi nhánh loại I, có nhiệm vụ quy định tại khoản 22 Điều này.

36. *Ban Thẩm định và phê duyệt tín dụng, Trung tâm phê duyệt tín dụng khu vực* là đơn vị chuyên môn tại Trụ sở chính có nhiệm vụ phê duyệt/đề xuất cấp có thẩm quyền phê duyệt cho vay, giám sát khoản vay vượt thẩm quyền theo quy định của Agribank từng thời kỳ.

37. [6]Khoản cho vay có mức giá trị nhỏ là khoản cho vay phục vụ nhu cầu đời sống không vượt quá 100.000.000 (một trăm triệu) đồng Việt Nam.

38. [7]Người có liên quan của khách hàng theo quy định tại khoản 24 Điều 4 Luật Các tổ chức tín dụng là tổ chức, cá nhân có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với khách hàng thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Công ty mẹ với công ty con và ngược lại; công ty mẹ với công ty con của công ty con và ngược lại; các công ty con của cùng một công ty mẹ với nhau; các công ty con của công ty con của cùng một công ty mẹ với nhau; người quản lý, kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát của công ty mẹ, cá nhân hoặc tổ chức có thẩm quyền bổ nhiệm những người này với công ty con và ngược lại;

b) Công ty với người quản lý, kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát của công ty đó hoặc với công ty, tổ chức có thẩm quyền bổ nhiệm những người đó và ngược lại;

c) Công ty với tổ chức, cá nhân sở hữu từ 05% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên tại công ty đó và ngược lại;

d) Cá nhân với vợ, chồng; cha mẹ đẻ, cha mẹ nuôi, cha dượng, mẹ kế, cha mẹ vợ, cha mẹ chồng; con đẻ, con nuôi, con riêng của vợ hoặc chồng, con dâu, con rể; anh, chị, em cùng cha mẹ; anh, chị, em cùng cha khác mẹ; anh, chị, em cùng mẹ khác cha; anh vợ, chị vợ, em vợ, anh chồng, chị chồng, em chồng, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của người cùng cha mẹ hoặc cùng cha khác mẹ, cùng mẹ khác cha; ông bà nội, ông bà ngoại; cháu nội, cháu ngoại; bác ruột, cô ruột, dì ruột, chú ruột, cậu ruột và cháu ruột;

---

[6] Khoản này được bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 1 Quy chế số 579/QC-HĐTV-TD, có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2024.

[7] Khoản này được bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 1 Quy chế số 579/QC-HĐTV-TD, có hiệu kể từ ngày lực 01/7/2024

đ) Công ty với cá nhân có mối quan hệ theo quy định tại điểm d khoản này với người quản lý, kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát, thành viên góp vốn hoặc cổ đông sở hữu từ 05% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của công ty đó và ngược lại;

e) Cá nhân được ủy quyền đại diện phần vốn góp cho tổ chức, cá nhân quy định tại các điểm a, b, c, d và đ khoản này với tổ chức, cá nhân ủy quyền; các cá nhân được ủy quyền đại diện phần vốn góp của cùng một tổ chức với nhau;

g) Pháp nhân, cá nhân khác có mối quan hệ tiềm ẩn rủi ro cho hoạt động của Agribank được xác định theo quy định nội bộ của Agribank hoặc theo yêu cầu bằng văn bản của Ngân hàng Nhà nước thông qua hoạt động thanh tra, giám sát.

Các từ ngữ khác không quy định tại Điều này được hiểu theo quy định tại Luật Các TCTD, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Agribank và các văn bản có liên quan khác của pháp luật và Agribank.

Điều 3. Quyền tự chủ trong hoạt động cho vay

1. Agribank có quyền tự chủ trong hoạt động cho vay và tự chịu trách nhiệm về quyết định cho vay của mình. Không tổ chức, cá nhân nào được can thiệp trái pháp luật vào hoạt động cho vay của Agribank.

2. Agribank có quyền từ chối các yêu cầu của khách hàng không đúng với Quy chế này và Thỏa thuận cho vay.

3. Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao, các cá nhân, bộ phận tham gia vào quá trình cho vay tự chủ và chịu trách nhiệm về đề xuất, quyết định của mình theo Quy chế này và quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 4. Nguyên tắc cho vay, vay vốn

1. Hoạt động cho vay của Agribank đối với khách hàng được thực hiện theo nguyên tắc thỏa thuận, phù hợp với quy định của NHNN, pháp luật có liên quan bao gồm cả pháp luật về bảo vệ môi trường và Quy chế này.

2. [8]Khách hàng vay vốn cam kết chấp hành đúng các thỏa thuận với Agribank, phải đảm bảo sử dụng vốn vay đúng mục đích đã cam kết, hoàn trả nợ gốc, lãi tiền vay, phí đầy đủ, đúng hạn theo Thỏa thuận cho vay.

3. Hoạt động cho vay phải được kiểm soát xung đột lợi ích và đảm bảo nguyên tắc Người thẩm định phải độc lập với Người quan hệ khách hàng, Người thẩm định lại, Người quyết định cho vay, Người quản lý khoản nợ có vấn đề, bộ phận kiểm soát hạn mức rủi ro tín dụng, Người/bộ phận trích lập dự phòng rủi ro và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro tín dụng.

---

[8] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Quy chế số 579/QC-HĐTV-TD, có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2024.

Điều 5. Áp dụng các văn bản pháp luật có liên quan

1. Hoạt động cho vay của Agribank thực hiện theo quy định của Luật Các TCTD và Luật sửa đổi, bổ sung Luật Các TCTD, NHNN, quy định của pháp luật có liên quan và Quy chế này.

2. Các hoạt động cho vay cụ thể được quy định tại văn bản riêng của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và NHNN, Agribank thực hiện theo quy định tại văn bản riêng của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và NHNN; trường hợp văn bản riêng của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và NHNN có quy định việc áp dụng Thông tư NHNN hoặc các nội dung liên quan đến hoạt động cho vay không được quy định tại văn bản riêng, Agribank thực hiện theo quy định liên quan tại các Thông tư của NHNN. Các hoạt động cho vay cụ thể được quy định tại văn bản riêng bao gồm:

a) Hoạt động cho vay hợp vốn;

b) Hoạt động cho vay đối với khách hàng để đầu tư ra nước ngoài;

c) Hoạt động cho vay đối với khách hàng thực hiện hoạt động kinh doanh thuộc các chính sách, chương trình kinh tế - xã hội của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ;

d) Hoạt động cho vay bằng ngoại tệ đối với khách hàng là người cư trú;

đ) Hoạt động cho vay, thu nợ nước ngoài đối với khách hàng là người không cư trú;

e) Các hoạt động cho vay cụ thể được quy định tại văn bản riêng của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và NHNN.

Điều 6. Sử dụng ngôn ngữ

1. Thỏa thuận cho vay được lập bằng tiếng Việt hoặc đồng thời bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài, bản tiếng Việt được ưu tiên sử dụng làm cơ sở xem xét tại các cơ quan tài phán khi phát sinh tranh chấp.

2. Các tài liệu khác trong hoạt động cho vay sử dụng tiếng nước ngoài, khi cơ quan có thẩm quyền yêu cầu dịch sang tiếng Việt, thì bản dịch phải có xác nhận của người có thẩm quyền Agribank nơi cho vay hoặc được công chứng, chứng thực.

Điều 7. Đồng tiền cho vay, trả nợ

1. Agribank và khách hàng thỏa thuận về việc cho vay bằng đồng Việt Nam hoặc ngoại tệ phù hợp với quy định của Agribank, NHNN và quy định của pháp luật có liên quan.

2. Đồng tiền trả nợ là đồng tiền cho vay của khoản vay. Trường hợp trả nợ bằng đồng tiền khác, thì thực hiện theo thỏa thuận giữa Agribank và khách hàng phù hợp quy định của pháp luật và của Agribank.

Điều 8. Cung cấp thông tin

1. Trước khi xác lập Thỏa thuận cho vay, Agribank nơi cho vay có trách nhiệm cung cấp cho khách hàng đầy đủ các thông tin: thẩm quyền cho vay; lãi suất cho vay; nguyên tắc và các yếu tố xác định, thời điểm xác định lãi suất cho vay đối với trường hợp áp dụng lãi suất cho vay có điều chỉnh; lãi suất áp dụng đối với dư nợ gốc bị quá hạn; lãi suất áp dụng đối với lãi chậm trả; phương pháp tính lãi tiền vay; loại phí và mức phí áp dụng đối với khoản vay; các tiêu chí xác định khách hàng vay vốn theo lãi suất cho vay ngắn hạn bằng đồng Việt Nam nhằm đáp ứng một số nhu cầu vốn NHNN quy định mức lãi suất cho vay tối đa.

2. Trường hợp áp dụng Hợp đồng theo mẫu, Agribank nơi cho vay phải cung cấp đầy đủ thông tin về hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung trong Hợp đồng cho khách hàng biết trước khi ký kết Hợp đồng và có xác nhận của khách hàng về việc đã được Agribank cung cấp đầy đủ thông tin.

3. [9]Khách hàng có trách nhiệm cung cấp thông tin, tài liệu, dữ liệu cho Agribank nơi cho vay trung thực, chính xác, đầy đủ, kịp thời và phải chịu trách nhiệm về việc cung cấp thông tin, tài liệu, dữ liệu sau đây:

a) Các thông tin, tài liệu, dữ liệu liên quan đến bộ hồ sơ vay vốn quy định tại Điều 29 Quy chế này;

b) Thông tin về người có liên quan của khách hàng trong trường hợp quy định tại điểm c khoản này.

Thông tin về người có liên quan là cá nhân, bao gồm: họ và tên; số định danh cá nhân; quốc tịch, số hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp đối với người nước ngoài; mối quan hệ với khách hàng.

Thông tin về người có liên quan là tổ chức, bao gồm: tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp, số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ pháp lý tương đương, người đại diện theo pháp luật, mối quan hệ với khách hàng.

c) Quy định tại điểm b khoản này áp dụng trong trường hợp:

Tại thời điểm đề nghị cho vay tại Agribank, khách hàng có tổng mức dư nợ cấp tín dụng (bao gồm cả mức dư nợ cho vay mà khách hàng đang đề nghị cho vay) lớn hơn hoặc bằng 0,1% vốn tự có của Agribank tại cuối ngày làm việc gần nhất.

d) Báo cáo việc sử dụng vốn vay và cung cấp thông tin, tài liệu, dữ liệu chứng minh vốn vay được sử dụng đúng mục đích ghi trong Thỏa thuận cho vay;

đ) Các thông tin, tài liệu, dữ liệu về biện pháp bảo đảm tiền vay trong trường hợp Agribank, khách hàng có thoả thuận về việc áp dụng biện pháp bảo đảm.

---

[9] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 1 Quy chế số 579/QC-HĐTV-TD, có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2024.

4. [10]Tổng Giám đốc hướng dẫn việc cung cấp thông tin phù hợp với quy định pháp luật có liên quan bao gồm cả trường hợp khách hàng có tổng mức dư nợ cấp tín dụng dưới mức quy định tại điểm c khoản 3 Điều này.

Điều 9. Loại cho vay

1. Cho vay ngắn hạn là khoản cho vay có thời hạn tối đa 01 (một) năm.

2. Cho vay trung hạn là khoản cho vay có thời hạn trên 01 (một) năm và tối đa 05 (năm) năm.

3. Cho vay dài hạn là khoản cho vay có thời hạn trên 05 (năm) năm.

Điều 10. Thời hạn cho vay, trả nợ gốc, lãi tiền vay

1. Căn cứ xác định thời hạn cho vay, kỳ hạn trả nợ

a) Đối với cho vay phục vụ hoạt động kinh doanh:

(i) Phương án sử dụng vốn: chu kỳ hoạt động kinh doanh; thời hạn, kỳ hạn thu hồi vốn của phương án, dự án;

(ii) Khả năng trả nợ của khách hàng;

(iii) Nguồn vốn cho vay của Agribank;

(iv) Thời hạn cho vay tối đa bằng thời hạn hoạt động hợp pháp còn lại theo quyết định thành lập hoặc giấy phép hoạt động tại Việt Nam.

b) Đối với cho vay phục vụ nhu cầu đời sống:

(i) Phương án sử dụng vốn;

(ii) Khả năng trả nợ của khách hàng;

(iii) Trong thời hạn được phép cư trú còn lại tại Việt Nam (đối với cá nhân nước ngoài).

2. Phương thức trả nợ gốc và lãi tiền vay

a) Agribank và khách hàng thỏa thuận trả nợ: trả nợ gốc và lãi tiền vay theo kỳ hạn riêng; trả nợ gốc và lãi tiền vay trong cùng một kỳ hạn; thứ tự thu gốc và lãi tiền vay;

b) Đối với khoản vay bị quá hạn trả nợ: thực hiện theo thứ tự nợ gốc thu trước, nợ lãi tiền vay thu sau. Đối với khoản nợ vay có một hoặc một số kỳ hạn trả nợ bị quá hạn, Agribank thực hiện thu nợ theo thứ tự thu nợ gốc đã quá hạn, thu nợ lãi tiền vay trên nợ gốc quá hạn chưa trả, thu nợ gốc đến hạn, thu nợ lãi trên nợ gốc mà đến hạn chưa trả;

c) Trường hợp nguồn thu nợ từ xử lý tài sản bảo đảm, việc thu nợ thực hiện theo thỏa thuận của Agribank với khách hàng, bên bảo đảm và quy định của pháp luật.

3. Agribank và khách hàng thỏa thuận về việc trả nợ trước hạn.

---

[10] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 1 Quy chế số 579/QC-HĐTV-TD, có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2024.

Điều 11. Lãi suất cho vay

1. Agribank nơi cho vay và khách hàng thỏa thuận về lãi suất cho vay theo cung cầu vốn thị trường, nhu cầu vay vốn và mức độ tín nhiệm của khách hàng, đúng quy định của Chính phủ, NHNN và Agribank về lãi suất cho vay.

2. Tổng Giám đốc quy định lãi suất cho vay đáp ứng yêu cầu hoạt động kinh doanh và chính sách khách hàng trong từng thời kỳ; hướng dẫn phương pháp tính lãi bao gồm lãi trong hạn, áp dụng lãi quá hạn, lãi chậm trả.

Điều 12. Phí liên quan đến hoạt động cho vay

Agribank và khách hàng thỏa thuận về việc thu các khoản phí liên quan đến hoạt động cho vay, gồm:

1. Phí trả nợ trước hạn trong trường hợp khách hàng trả nợ trước hạn.

2. Phí trả cho hạn mức tín dụng dự phòng.

3. Phí thu xếp cho vay hợp vốn.

4. Phí cam kết rút vốn kể từ thời điểm Thỏa thuận cho vay có hiệu lực đến ngày giải ngân vốn vay lần đầu.

5. Các loại phí khác liên quan đến hoạt động cho vay được quy định cụ thể tại văn bản quy phạm pháp luật liên quan.

Điều 13. Bảo đảm tiền vay

1. Việc áp dụng biện pháp bảo đảm tiền vay hoặc không áp dụng biện pháp bảo đảm tiền vay, thực hiện theo quy định về bảo đảm cấp tín dụng, chính sách tín dụng của Agribank từng thời kỳ và các quy định pháp luật có liên quan.

2. Khách hàng, bên bảo đảm phải cam kết thực hiện các thủ tục trao quyền chủ động thu hồi và xử lý tài sản bảo đảm cho Agribank; có trách nhiệm thực hiện nghiêm túc các cam kết về xử lý tài sản bảo đảm đã ghi trong Thỏa thuận cho vay, Hợp đồng bảo đảm tiền vay và quy định của pháp luật.

Điều 14. Nợ quá hạn

1. Agribank chuyển nợ quá hạn đối với số dư nợ gốc mà khách hàng không trả được nợ đúng hạn theo thỏa thuận và không được Agribank chấp thuận cơ cấu lại thời hạn trả nợ và/hoặc khi Agribank chấm dứt cho vay, thu hồi nợ trước hạn theo quy định tại Điều 15 Quy chế này. Khoản nợ chuyển nợ quá hạn áp dụng lãi suất quá hạn theo thỏa thuận nhưng tối đa không quá 150% mức lãi suất trong hạn và phân loại nhóm nợ theo quy định.

2. Trường hợp đến hạn trả lãi, khách hàng không trả được nợ lãi đúng hạn theo thỏa thuận và không được Agribank chấp thuận cơ cấu lại thời hạn trả nợ, khách hàng phải trả lãi chậm trả theo thỏa thuận nhưng tối đa không vượt quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Điều 15. Tạm dừng, chấm dứt cho vay, thu hồi nợ trước hạn

1. Agribank có quyền quyết định tạm dừng, chấm dứt cho vay, thu hồi nợ trước hạn theo nội dung đã thỏa thuận trong các trường hợp sau:

a) Khi phát hiện khách hàng cung cấp thông tin sai sự thật;

b) Khách hàng vi phạm quy định trong Thỏa thuận cho vay và/hoặc Hợp đồng bảo đảm;

c) Các trường hợp khác có nguy cơ ảnh hưởng đến khả năng trả nợ của khách hàng;

d) Kết luận của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Khi thực hiện tạm dừng, chấm dứt cho vay, thu hồi nợ trước hạn theo Thỏa thuận cho vay, Agribank thông báo cho khách hàng về việc tạm dừng, chấm dứt cho vay, thu hồi nợ trước hạn. Nội dung thông báo tối thiểu bao gồm: thời điểm chấm dứt cho vay, thu hồi nợ trước hạn; số dư nợ gốc bị thu hồi trước hạn; thời hạn hoàn trả số dư nợ gốc bị thu hồi trước hạn; thời điểm chuyển nợ quá hạn và lãi suất áp dụng đối với số dư nợ gốc bị thu hồi trước hạn; các biện pháp sẽ áp dụng để thu hồi nợ đã cho vay.

Điều 16. Miễn, giảm lãi tiền vay, phí vay vốn

Agribank có quyền xem xét quyết định miễn, giảm lãi tiền vay, phí cho khách hàng vay vốn theo quy định nội bộ của Agribank.

Điều 17. Thỏa thuận cho vay

1. Thỏa thuận cho vay phải được giao kết bởi người đại diện có thẩm quyền của Agribank và khách hàng theo quy định pháp luật.

2. Thỏa thuận cho vay phải được lập thành văn bản. Trường hợp cho vay bằng phương tiện điện tử, thực hiện theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

3. Tổng Giám đốc hướng dẫn việc thiết lập Thỏa thuận cho vay thống nhất trong toàn hệ thống, đảm bảo quyền, nghĩa vụ của bên vay và bên cho vay phù hợp với quy định của pháp luật, NHNN và Quy chế này.

Điều 18. Phạt vi phạm và bồi thường thiệt hại

1. Agribank nơi cho vay và khách hàng được thỏa thuận về việc phạt vi phạm, bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật đối với trường hợp Agribank nơi cho vay hoặc khách hàng không thực hiện đúng nội dung trong Thỏa thuận cho vay, trừ trường hợp áp dụng lãi suất đối với dư nợ gốc bị quá hạn, lãi chậm trả.

2. Agribank nơi cho vay và khách hàng có thể thỏa thuận về việc bên vi phạm nghĩa vụ chỉ phải chịu phạt vi phạm mà không phải bồi thường thiệt hại hoặc vừa phải chịu phạt vi phạm và vừa phải bồi thường thiệt hại. Trường hợp Agribank nơi cho vay và khách hàng có thỏa thuận về phạt vi phạm nhưng

không thỏa thuận về việc vừa phải chịu phạt vi phạm và vừa phải bồi thường thiệt hại thì bên vi phạm nghĩa vụ chỉ phải chịu phạt vi phạm.

Chương II
QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Mục 1
Thẩm định, phê duyệt và quyết định cho vay

Điều 19. Điều kiện vay vốn

Agribank xem xét phê duyệt, quyết định cho vay khi khách hàng có đủ các điều kiện sau đây:

1. Có năng lực pháp luật dân sự, năng lực hành vi dân sự theo quy định.

a) Khách hàng là pháp nhân có năng lực pháp luật dân sự, bao gồm:

(i) Doanh nghiệp hoạt động theo quy định của Luật Doanh nghiệp: công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, công ty hợp danh;

(ii) Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quy định của Luật Hợp tác xã;

(iii) Các tổ chức khác là pháp nhân theo quy định của Bộ luật Dân sự;

b) Khách hàng là cá nhân có quốc tịch Việt Nam, cá nhân có quốc tịch nước ngoài cư trú tại Việt Nam từ đủ 18 tuổi trở lên, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định của pháp luật hoặc từ đủ 15 tuổi đến chưa đủ 18 tuổi không bị mất hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự theo quy định của pháp luật (trong một số giao dịch dân sự pháp luật cho phép người dưới 18 tuổi tham gia).

2. Nhu cầu vay vốn để sử dụng vào mục đích hợp pháp (không thuộc đối tượng không được cho vay theo quy định của pháp luật); không thuộc đối tượng không được cho vay theo quy định của Agribank từng thời kỳ.

3. [11]Có phương án sử dụng vốn khả thi (không bắt buộc đối với khoản cho vay có mức giá trị nhỏ) thông qua các tiêu chí cơ bản sau:

a) Tổng nguồn vốn cần sử dụng, chi tiết các loại nguồn vốn trong tổng nguồn vốn cần sử dụng, trong đó có nguồn vốn cần vay tại Agribank; mục đích sử dụng vốn; thời gian sử dụng vốn;

b) Nguồn trả nợ của khách hàng, bao gồm từ kết quả hoạt động kinh doanh, thu nhập và các nguồn thu khác;

c) Phương án, dự án thực hiện hoạt động kinh doanh hoặc phương án, dự án phục vụ nhu cầu đời sống để mua nhà ở; xây dựng, cải tạo nhà ở; nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất để xây nhà ở.

---

[11] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 4 Điều 1 Quy chế số 579/QC-HĐTV-TD, có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2024.

4. Có khả năng tài chính để trả nợ,thể hiện qua các tiêu chí cơ bản sau:

a) Kinh doanh có hiệu quả, năm trước liền kề có lãi (đối với khách hàng vay vốn phục vụ nhu cầu kinh doanh), trường hợp năm trước liền kề lỗ và/hoặc có lỗ lũy kế thì phải có phương án khắc phục lỗ khả thi và có khả năng trả nợ đầy đủ, đúng hạn trong thời hạn cam kết; có nguồn thu nhập phù hợp đảm bảo để trả nợ (đối với cho vay phục vụ nhu cầu đời sống);

b) Không có nợ xấu, nợ đã xử lý rủi ro ở Agribank và các TCTD khác tại thời điểm thẩm định, quyết định cho vay, trừ trường hợp thuộc đối tượng chính sách theo quy định của cấp có thẩm quyền được tiếp tục cho vay.

Tổng Giám đốc hướng dẫn việc kiểm tra thông tin tín dụng của khách hàng qua Trung tâm thông tin tín dụng quốc gia Việt Nam;

c) Vốn đối ứng tham gia vào phương án sử dụng vốn theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Quy chế này;

d) Khách hàng vay vốn có bảo đảm bằng số dư tiền gửi 100% giá trị nợ cho vay (cả gốc và lãi tiền vay), Agribank nơi cho vay không phải thực hiện các điều kiện theo điểm a, b, c khoản này;

đ) Trường hợp cho vay tháo gỡ khó khăn đối với khách hàng thực hiện theo Điều 34 Quy chế này.

5. Điều kiện cho vay không áp dụng biện pháp bảo đảm tiền vay, phân cấp thẩm quyền quyết định cho vay không áp dụng biện pháp bảo đảm tiền vay theo quy định của Chính phủ, NHNN và của Hội đồng thành viên trong từng thời kỳ.

Điều 20. Những nhu cầu vốn không được cho vay

Agribank không được cho vay đối với các nhu cầu vốn:

1. Để thực hiện các hoạt động đầu tư kinh doanh thuộc ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh theo quy định của Luật Đầu tư.

2. Để thanh toán các chi phí, đáp ứng các nhu cầu tài chính của hoạt động đầu tư kinh doanh thuộc ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh theo quy định của Luật Đầu tư và các giao dịch, hành vi khác mà pháp luật cấm.

3. Để mua, sử dụng các hàng hóa, dịch vụ thuộc ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh theo quy định của Luật Đầu tư.

4. Để mua vàng miếng.

5. Để trả nợ khoản cấp tín dụng tại chính Agribank, trừ trường hợp cho vay để thanh toán lãi tiền vay phát sinh trong quá trình thi công xây dựng công trình, mà chi phí lãi tiền vay được tính trong tổng mức đầu tư xây dựng được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật.

6. Để trả nợ khoản vay nước ngoài (không bao gồm khoản vay nước ngoài dưới hình thức mua bán hàng hóa trả chậm), khoản cấp tín dụng tại TCTD khác, trừ trường hợp cho vay để trả nợ trước hạn khoản vay đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:

a) Thời hạn cho vay không vượt quá thời hạn cho vay còn lại của khoản vay cũ;

b) Là khoản vay chưa thực hiện cơ cấu lại thời hạn trả nợ.

7. Để gửi tiền.

8. Các nhu cầu vốn khác do NHNN, Agribank quy định từng thời kỳ phù hợp với quy định của pháp luật và yêu cầu quản lý rủi ro của Agribank.

Điều 21. Mức cho vay

1. Căn cứ để xác định mức cho vay:

a) Phương án sử dụng vốn vay;

b) Khả năng tài chính của khách hàng;

c) Giá trị tài sản bảo đảm (đối với khoản vay phải bảo đảm bằng tài sản);

d) Các giới hạn cấp tín dụng và khả năng nguồn vốn của Agribank.

2. Agribank nơi cho vay thỏa thuận với khách hàng về mức cho vay tối đa như sau:

a) Cho vay ngắn hạn thực hiện phương án hoạt động kinh doanh; cho vay ngắn hạn, trung hạn và dài hạn thực hiện phương án, dự án phục vụ nhu cầu đời sống: do Agribank nơi cho vay quyết định;

b) Cho vay trung hạn, dài hạn thực hiện dự án hoạt động kinh doanh:

(i) Đối với cho vay trung hạn: mức cho vay tối đa 75% tổng nhu cầu vốn, số còn lại là vốn đối ứng của khách hàng;

(ii) Đối với cho vay dài hạn: mức cho vay tối đa 70% tổng nhu cầu vốn, số còn lại là vốn đối ứng của khách hàng.

3. Hội đồng thành viên/Tổng Giám đốc/Trưởng ban Thẩm định/Giám đốc Trung tâm phê duyệt theo thẩm quyền cấp tín dụng được xem xét phê duyệt mức cho vay tối đa đối với một dự án trung, dài hạn cao hơn quy định tại điểm b khoản 2 Điều này.

4. Khách hàng vay vốn để thực hiện các phương án, dự án mà cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định khách hàng phải có vốn đối ứng tham gia vào phương án, dự án cao hơn mức quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này thì phải thực hiện theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 22. Những trường hợp không được cấp tín dụng[12]

Agribank không được cấp tín dụng đối với các đối tượng sau đây, trừ trường hợp cấp tín dụng dưới hình thức phát hành thẻ tín dụng cho cá nhân tại khoản 1, khoản 2 Điều này:

1. Thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng

[12] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 1 Quy chế số 579/QC-HĐTV-TD, có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2024.

Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và các chức danh tương đương theo quy định tại Điều lệ của Agribank.

2. Cha, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị, em của thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và các chức danh tương đương theo quy định tại Điều lệ của Agribank.

3. Khách hàng được bảo đảm bởi các đối tượng thuộc khoản 1, khoản 2 Điều này.

4. Agribank không được bảo đảm để TCTD khác cấp tín dụng cho các đối tượng quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này.

5. Cấp tín dụng trên cơ sở nhận bảo đảm bằng cổ phiếu của TCTD, công ty con, công ty liên kết của Agribank.

6. Cấp tín dụng để góp vốn, mua cổ phần của TCTD.

7. Cấp tín dụng đối với doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh chứng khoán là công ty con, công ty liên kết của Agribank.

8. Việc cấp tín dụng quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6 và 7 Điều này bao gồm cả hoạt động mua, nắm giữ, đầu tư vào trái phiếu doanh nghiệp.

Điều 23. Hạn chế cấp tín dụng[13]

1. Agribank cấp tín dụng phải có bảo đảm bằng tài sản và không cấp tín dụng với những điều kiện ưu đãi về lãi suất, về mức cấp tín dụng đối với những đối tượng sau đây:

a) Tổ chức kiểm toán, kiểm toán viên đang kiểm toán, người ra quyết định thanh tra, thành viên Đoàn thanh tra, người giám sát hoạt động đoàn thanh tra đang thanh tra tại Agribank;

b) Kế toán trưởng của Agribank;

c) Doanh nghiệp có một trong những đối tượng quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 22 Quy chế này sở hữu trên 10% vốn điều lệ của doanh nghiệp đó;

d) Người thẩm định và xét duyệt cấp tín dụng, trừ trường hợp cấp tín dụng dưới hình thức phát hành thẻ tín dụng cho cá nhân;

đ) Các công ty con, công ty liên kết của Agribank trừ trường hợp cấp tín dụng cho công ty con của Agribank là tổ chức tín dụng được chuyển giao bắt buộc.

2. Việc cấp tín dụng đối với những đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này phải được Hội đồng thành viên thông qua và công khai trong Agribank trừ việc cấp tín dụng đối với đối tượng quy định tại điểm d khoản 1 Điều này thực hiện theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước và Agribank.

3. Tổng mức dư nợ cấp tín dụng đối với các đối tượng quy định tại các

---

[13] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 1 Quy chế số 579/QC-HĐTV-TD, có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2024.

điểm a, b, c và d khoản 1 Điều này, bao gồm cả tổng mức mua, nắm giữ, đầu tư vào trái phiếu do các đối tượng quy định tại điểm a, c khoản 1 Điều này phát hành không được vượt quá 5% vốn tự có của Agribank.

4. Tổng mức dư nợ cấp tín dụng đối với một đối tượng quy định tại điểm đ khoản 1 Điều này không được vượt quá 10% vốn tự có của Agribank; đối với tất cả các đối tượng quy định tại điểm đ khoản 1 Điều này không được vượt quá 15% vốn tự có của Agribank. Tổng mức dư nợ cấp tín dụng tại khoản này bao gồm cả tổng mức mua, nắm giữ, đầu tư vào trái phiếu do các đối tượng quy định tại điểm đ khoản 1 Điều này phát hành.

Điều 24. Cấp tín dụng đối với Giám đốc, Phó Giám đốc chi nhánh và các chức danh tương đương

1. Các chức danh quy định tại Điều này bao gồm:

a) Giám đốc/Phó giám đốc chi nhánh loại I, loại II;

b) Các chức danh tương đương Giám đốc/Phó giám đốc chi nhánh loại I theo quy định của Agribank từng thời kỳ;

c) Trưởng/phó trưởng phòng Khách hàng, Thẩm định, Kiểm tra, giám soát nội bộ tại chi nhánh loại I.

2. Agribank không được cấp tín dụng không có bảo đảm (trừ trường hợp cho vay theo chương trình chính sách của Chính phủ, cho vay phục vụ nhu cầu đời sống có nguồn trả nợ từ tiền lương, phát hành thẻ tín dụng không có bảo đảm theo quy định) đối với:

a) Các đối tượng thuộc khoản 1 Điều này;

b) Cha, mẹ, vợ, chồng, con của các đối tượng thuộc điểm a khoản 1 Điều này tại Agribank nơi người đó giữ chức vụ;

c) Doanh nghiệp có một trong những đối tượng thuộc khoản 1 Điều này sở hữu trên 10% vốn điều lệ của doanh nghiệp đó.

3. Đối tượng thuộc khoản 1 Điều này không tham gia vào quy trình cấp tín dụng đối với:

a) Khoản cấp tín dụng của chính mình;

b) Khoản cấp tín dụng của cha, mẹ, vợ, chồng, con của mình;

c) Khoản cấp tín dụng của doanh nghiệp do mình sở hữu trên 10% vốn điều lệ của doanh nghiệp đó.

Điều 25. Giới hạn cấp tín dụng

1. [14]Tổng mức dư nợ cấp tín dụng đối với một khách hàng, đối với một khách hàng và người có liên quan của Agribank không được vượt quá:

a) Từ ngày 01 tháng 7 năm 2024 đến trước ngày 01 tháng 01 năm 2026:

---

[14] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 7 Điều 1 Quy chế số 579/QC-HĐTV-TD, có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2024.

14% vốn tự có đối với một khách hàng; 23% vốn tự có đối với một khách hàng và người có liên quan của khách hàng đó;

b) Từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến trước ngày 01 tháng 01 năm 2027: 13% vốn tự có đối với một khách hàng; 21% vốn tự có đối với một khách hàng và người có liên quan của khách hàng đó;

c) Từ ngày 01 tháng 01 năm 2027 đến trước ngày 01 tháng 01 năm 2028: 12% vốn tự có đối với một khách hàng; 19% vốn tự có đối với một khách hàng và người có liên quan của khách hàng đó;

d) Từ ngày 01 tháng 01 năm 2028 đến trước ngày 01 tháng 01 năm 2029: 11% vốn tự có đối với một khách hàng; 17% vốn tự có đối với một khách hàng và người có liên quan của khách hàng đó;

đ) Từ ngày 01 tháng 01 năm 2029: 10% vốn tự có đối với một khách hàng; 15% vốn tự có đối với một khách hàng và người có liên quan của khách hàng đó.

Tổng mức dư nợ cấp tín dụng bao gồm cả tổng mức Agribank mua, nắm giữ, đầu tư vào trái phiếu do khách hàng, người có liên quan của khách hàng đó phát hành; không bao gồm khoản cho vay từ nguồn vốn ủy thác của Chính phủ, tổ chức, cá nhân mà Agribank nhận ủy thác không chịu rủi ro hoặc trường hợp khách hàng vay là tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác.

2. Trường hợp nhu cầu vốn của một khách hàng và người có liên quan vượt quá giới hạn cấp tín dụng tại khoản 1 Điều này thì Agribank cấp tín dụng hợp vốn theo quy định của NHNN và của Agribank.

3. Trong trường hợp đặc biệt, để thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội mà khả năng hợp vốn của Agribank với các TCTD chưa đáp ứng được nhu cầu vay vốn của một khách hàng, Giám đốc Chi nhánh loại I trình Tổng Giám đốc xem xét, trình Hội đồng thành viên để báo cáo NHNN, trình Thủ tướng Chính phủ quyết định mức cấp tín dụng vượt quá giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này và tổng các khoản cấp tín dụng không vượt quá 04 (bốn) lần vốn tự có của Agribank.

4. Tổng Giám đốc quy định, hướng dẫn:

a) Hạn mức cấp tín dụng đối với đối tượng khách hàng, ngành, lĩnh vực kinh tế; hạn mức cấp tín dụng theo sản phẩm, hình thức bảo đảm phù hợp với quy định của NHNN và Agribank từng thời kỳ;

b) Điều kiện, giới hạn cấp tín dụng để đầu tư, kinh doanh trái phiếu doanh nghiệp; đầu tư, kinh doanh cổ phiếu;

c) Theo dõi, quản lý các hạn mức, giới hạn cấp tín dụng tại Quy chế này;

d) [15]Phương pháp theo dõi, quản lý và phê duyệt, quyết định cấp tín dụng đối với một khách hàng, một khách hàng và người có liên quan ở mức 1% vốn

[15] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 7 Điều 1 Quy chế số 579/QC-HĐTV-TD, có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2024.

tự có của Agribank trở lên; một khách hàng vay tại nhiều chi nhánh Agribank; cấp tín dụng để kinh doanh bất động sản, cấp tín dụng cho đầu tư dự án theo phương thức đối tác công tư.

Điều 26. Phê duyệt giới hạn tín dụng tối đa đối với một khách hàng

1. Hội đồng thành viên phê duyệt giới hạn tín dụng tối đa đối với một khách hàng, bao gồm: tổng giới hạn tín dụng (giới hạn tín dụng ngắn hạn, giới hạn tín dụng trung, dài hạn theo dự án đầu tư); bảo đảm cấp tín dụng; thẩm quyền quyết định cấp tín dụng, các nội dung khác (nếu có) trên cơ sở Tổng Giám đốc trình.

2. Giới hạn tín dụng tối đa đối với một khách hàng được xác định trên cơ sở hiệu quả hoạt động và nhu cầu vốn của khách hàng, khả năng về nguồn vốn, định hướng tín dụng và quản lý rủi ro của Agribank từng thời kỳ.

3. Thời gian hiệu lực của giới hạn tín dụng tối đa là 36 tháng. Mỗi năm ít nhất một lần, Tổng Giám đốc chỉ đạo, tổ chức thực hiện rà soát, đánh giá giới hạn, thời gian duy trì giới hạn tín dụng và báo cáo Hội đồng thành viên xem xét điều chỉnh (nếu có).

4. [16]Trong phạm vi giới hạn tín dụng đã được phê duyệt: Tổng Giám đốc, Trưởng ban Thẩm định, Giám đốc Trung tâm phê duyệt, Hội đồng tín dụng Chi nhánh loại I, Giám đốc chi nhánh loại I phê duyệt, quyết định cho vay đối với từng phương án sử dụng vốn cụ thể theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền phê duyệt trước khi cho vay.

Điều 27. Thời hạn phê duyệt và quyết định cho vay

Thời hạn phê duyệt và quyết định cho vay tối đa kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, thông tin hợp lệ như sau:

1. Tại Agribank nơi cho vay

a) Cho vay ngắn hạn: tối đa 5 (năm) ngày làm việc;

b) Cho vay trung hạn: tối đa 10 (mười) ngày làm việc;

c) Cho vay dài hạn: tối đa 15 (mười lăm) ngày làm việc.

2. Tại nơi phê duyệt vượt thẩm quyền

a) Cho vay ngắn hạn: tối đa 10 (mười) ngày làm việc;

b) Cho vay trung hạn, dài hạn: tối đa 15 (mười lăm) ngày làm việc.

3. Các khoản cho vay thông qua Hội đồng tín dụng được cộng thêm tối đa 5 (năm) ngày làm việc theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này.

4. Tại Hội đồng thành viên tối đa 10 (mười) ngày làm việc.

---

[16] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Quy chế số 1546/QC-HĐTV-TD, có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2025.

5. Thời gian phê duyệt và quyết định cho vay được niêm yết công khai tại Agribank nơi cho vay.

6. Trường hợp không cho vay, Agribank nơi cho vay thông báo cho khách hàng lý do khi khách hàng có yêu cầu.

Điều 28. Cấp phê duyệt và quyết định cho vay

1. [17]Cấp phê duyệt cho vay vượt thẩm quyền gồm:

a) Hội đồng thành viên;

b) Tổng Giám đốc;

c) Trưởng ban Thẩm định/Giám đốc Trung tâm phê duyệt;

d) Hội đồng tín dụng Chi nhánh loại I;

đ) Giám đốc chi nhánh loại I.

2. Hội đồng thành viên/Tổng Giám đốc/Trưởng ban Thẩm định/Giám đốc Trung tâm phê duyệt chỉ xem xét phê duyệt theo thẩm quyền các khoản vay vượt thẩm quyền do Chi nhánh loại I trực tiếp thẩm định, không xem xét các khoản vay vượt thẩm quyền do Chi nhánh loại II tiếp nhận và thẩm định.

3. [18]Cấp quyết định cho vay tại Agribank nơi cho vay gồm:

a) Hội đồng tín dụng Chi nhánh loại I;

b) Giám đốc chi nhánh loại I;

c) Giám đốc chi nhánh loại II;

d) Giám đốc phòng giao dịch."

4. [19]Cấp phê duyệt, quyết định cho vay bao gồm cả những người được người có thẩm quyền theo quy định tại điểm b, c, đ khoản 1 và điểm b, c, d khoản 3 Điều này phân công, ủy quyền phù hợp với quy định của Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc từng thời kỳ.

5. Ủy ban Quản lý rủi ro thực hiện rà soát, đánh giá, báo cáo tham mưu theo quy định đối với các trường hợp: Hội đồng thành viên phê duyệt các khoản cấp tín dụng vượt thẩm quyền của Tổng Giám đốc và giới hạn tín dụng tối đa đối với một khách hàng; Thành viên Hội đồng thành viên phụ trách tín dụng xem xét chấp thuận chủ trương đối với khoản cấp tín dụng theo quy định phải trình chấp thuận trước khi triển khai quy trình cấp tín dụng.

---

[17] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 1 Quy chế số 1546/QC-HĐTV-TD, có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2025

[18] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 1 Quy chế số 1546/QC-HĐTV-TD, có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2025.

[19] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 1 Quy chế số 1546/QC-HĐTV-TD, có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2025.

Mục 2
Bộ hồ sơ vay vốn, giải ngân vốn cho vay

Điều 29. Bộ hồ sơ vay vốn

1. [20]Khi có nhu cầu vay vốn, khách hàng cung cấp cho Agribank nơi cho vay các thông tin, tài liệu, dữ liệu chứng minh đủ điều kiện vay vốn quy định tại Điều 19 Quy chế này bao gồm: Hồ sơ pháp lý, Hồ sơ kinh tế, Hồ sơ vay vốn của khách hàng vay.

2. Tổng Giám đốc quy định chi tiết về bộ hồ sơ vay vốn phù hợp với từng loại cho vay, đối tượng khách hàng, phương thức cho vay.

Điều 30. Giải ngân vốn cho vay

1. Tổng Giám đốc hướng dẫn cụ thể việc giải ngân vốn cho vay phù hợp với các quy định của NHNN và Agribank.

2. Agribank nơi cho vay sử dụng các phương tiện thanh toán để giải ngân vốn cho vay theo quy định của NHNN và hướng dẫn của Agribank.

3. Mọi trường hợp phát hiện khách hàng sử dụng vốn không đúng mục đích, vi phạm các nội dung trong Thỏa thuận cho vay (bao gồm cả các khoản vay đã được phê duyệt của Agribank cấp trên), Agribank nơi cho vay được quyền và có trách nhiệm ngừng giải ngân để xử lý theo Thỏa thuận cho vay đã ký.

Mục 3
Phương thức cho vay và một số đối tượng cho vay

Điều 31. Phương thức cho vay

Agribank thỏa thuận với khách hàng việc áp dụng các phương thức cho vay như sau:

1. Cho vay từng lần: mỗi lần cho vay, Agribank nơi cho vay và khách hàng thực hiện thủ tục cho vay và giao kết Thỏa thuận cho vay.

2. Cho vay hợp vốn: là việc Agribank cùng với ít nhất một TCTD khác cho vay đối với khách hàng để thực hiện một phương án, dự án vay vốn. Cho vay hợp vốn thực hiện theo quy định về cấp tín dụng hợp vốn của NHNN, Quy chế này và hướng dẫn của Agribank.

3. Cho vay lưu vụ: là việc Agribank thực hiện cho vay đối với khách hàng để nuôi trồng, chăm sóc các cây trồng, vật nuôi có tính chất mùa vụ theo chu kỳ sản xuất liền kề trong năm hoặc các cây lưu gốc, cây công nghiệp có thu hoạch hàng năm. Theo đó, Agribank nơi cho vay và khách hàng thỏa thuận dư nợ gốc của chu kỳ trước tiếp tục được sử dụng cho chu kỳ sản xuất tiếp theo nhưng không vượt quá thời gian của 02 (hai) chu kỳ sản xuất liên tiếp. Việc cho vay lưu vụ thực hiện theo quy định của NHNN và hướng dẫn của Agribank.

---

[20] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 8 Điều 1 Quy chế số 579/QC-HĐTV-TD, có hiệu lực 01/7/2024, có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2024.

4. Cho vay theo hạn mức: Agribank nơi cho vay xác định và thỏa thuận với khách hàng hạn mức cho vay tối đa duy trì trong một khoảng thời gian nhất định. Một năm ít nhất một lần, Agribank nơi cho vay xem xét xác định lại hạn mức cho vay tối đa và thời gian duy trì hạn mức này.

5. Cho vay theo hạn mức dự phòng: Agribank cam kết đảm bảo sẵn sàng cho khách hàng vay vốn trong phạm vi hạn mức cho vay dự phòng đã thỏa thuận (ngoài phạm vi hạn mức cho vay đã thỏa thuận). Agribank và khách hàng thỏa thuận thời hạn hiệu lực của hạn mức cho vay dự phòng nhưng không vượt quá 01 (một) năm.

6. Cho vay theo hạn mức thấu chi trên tài khoản thanh toán: Agribank nơi cho vay chấp thuận cho khách hàng chi vượt số tiền có trên tài khoản thanh toán của khách hàng một mức thấu chi tối đa để thực hiện dịch vụ thanh toán trên tài khoản thanh toán. Mức thấu chi tối đa được duy trì trong một khoảng thời gian tối đa 01 (một) năm.

7. Cho vay quay vòng: Agribank nơi cho vay và khách hàng thỏa thuận áp dụng cho vay đối với nhu cầu vốn có chu kỳ hoạt động kinh doanh không quá 01 (một) tháng, khách hàng được sử dụng dư nợ gốc của chu kỳ hoạt động kinh doanh trước cho chu kỳ kinh doanh tiếp theo nhưng thời hạn cho vay không vượt quá 03 (ba) tháng.

8. Cho vay tuần hoàn (rollover): Agribank nơi cho vay và khách hàng thỏa thuận áp dụng cho vay ngắn hạn đối với khách hàng với điều kiện:

a) Đến thời hạn trả nợ, khách hàng có quyền trả nợ hoặc kéo dài thời hạn trả nợ thêm một khoảng thời gian nhất định đối với một phần hoặc toàn bộ số dư nợ gốc của khoản vay;

b) Tổng thời hạn vay vốn không vượt quá 12 (mười hai) tháng kể từ ngày giải ngân ban đầu và không vượt quá một chu kỳ hoạt động kinh doanh;

c) Tại thời điểm xem xét cho vay, khách hàng không có nợ xấu tại Agribank và các TCTD khác;

d) Trong quá trình cho vay tuần hoàn, nếu khách hàng có nợ xấu tại Agribank và các TCTD khác thì không được thực hiện kéo dài thời hạn trả nợ theo thỏa thuận.

Điều 32. Áp dụng phương thức cho vay

1. Khi cho vay phục vụ hoạt động kinh doanh, căn cứ vào đặc điểm của khoản vay, Agribank nơi cho vay có thể thỏa thuận với khách hàng về việc áp dụng từng phương thức hoặc kết hợp các phương thức cho vay quy định tại khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7 Điều 31 Quy chế này.

2. Khi cho vay phục vụ nhu cầu đời sống, căn cứ đặc điểm của khoản vay, Agribank nơi cho vay có thể thỏa thuận với khách hàng về việc áp dụng từng phương thức hoặc kết hợp các phương thức cho vay tại khoản 1, 4, 6 Điều 31 Quy chế này.

Điều 33. Cho vay theo ủy thác

1. Agribank nhận cho vay ủy thác từ các tổ chức, cá nhân khác (bao gồm cả các TCTD).

2. Agribank có thể ủy thác cho các tổ chức (bao gồm cả các TCTD) cho vay.

3. Việc cho vay theo ủy thác thực hiện theo thỏa thuận tại Hợp đồng ủy thác và không trái với quy định của pháp luật, hướng dẫn của NHNN.

Điều 34. Cho vay tháo gỡ khó khăn

1. Agribank cho khách hàng vay để tháo gỡ khó khăn, để tiếp tục sản xuất kinh doanh, tạo nguồn trả nợ và được xem như giải pháp bổ sung để thu hồi nợ đã cho vay.

2. Đối tượng áp dụng:

a) Khách hàng đang có nợ xấu, nợ đã xử lý rủi ro, nợ đã bán cho VAMC thanh toán bằng trái phiếu đặc biệt và không đáp ứng được các điều kiện tại điểm a, c khoản 4 Điều 19 Quy chế này;

b) Khách hàng có nợ cơ cấu giữ nguyên nhóm nợ theo quy định của NHNN, Chính phủ và không đáp ứng được các điều kiện tại điểm a, c khoản 4 Điều 19 Quy chế này.

3. Agribank nơi cho vay chỉ áp dụng cho vay ngắn hạn, trường hợp cho vay trung, dài hạn, Chi nhánh loại I trình Tổng Giám đốc theo từng khoản vay cụ thể.

4. Yêu cầu đối với khách hàng:

a) Khách hàng đang còn hoạt động; có phương án sử dụng vốn khả thi để đảm bảo trả nợ được khoản vay mới và giảm dần dư nợ khoản vay cũ;

b) Khách hàng cam kết hợp tác toàn diện với Agribank nơi cho vay, cụ thể:

(i) Chấp nhận để Agribank bố trí nhân sự thường xuyên, trực tiếp kiểm tra, giám sát việc sử dụng vốn vay, quản lý dòng tiền (nhập, xuất, tồn kho vật tư hàng hóa; các giao dịch mua, bán, công nợ, tiền thu bán hàng...), trường hợp đặc biệt có thể giám sát cả hoạt động điều hành kinh doanh của khách hàng;

(ii) Cam kết và thực hiện chuyển toàn bộ hoặc một phần nguồn thu từ hoạt động kinh doanh (nếu được Agribank nơi cho vay đồng ý), nguồn thu khác về tài khoản thanh toán của khách hàng mở tại Agribank nơi cho vay; ủy quyền cho Agribank sử dụng số dư trên tài khoản thanh toán, tài khoản tiền gửi của khách hàng để thu hồi nợ;

(iii) Cam kết sử dụng toàn bộ nguồn thu để trả nợ khoản vay mới và kế hoạch trả dần khoản vay cũ.

5. Yêu cầu đối với Agribank nơi cho vay:

a) Xây dựng và thực hiện kế hoạch kiểm tra, giám sát quá trình giải ngân, sử dụng vốn vay đúng mục đích, quản lý dòng tiền của khách hàng;

b) Phân công nhân sự giám sát trực tiếp, thường xuyên tại nơi thực hiện hoạt động kinh doanh; phải nắm bắt thực trạng hoạt động sản xuất kinh doanh của khách hàng (nhập, xuất, tồn kho vật tư hàng hóa; công nợ; tiến độ thực hiện dự án, phương án kinh doanh, doanh thu bán hàng…);

c) Giám sát, kiểm tra việc thực hiện đúng các nội dung đã cam kết tại điểm b khoản 4 Điều này và các thỏa thuận khác; phát hiện kịp thời các vi phạm của khách hàng (nếu có), đề xuất các giải pháp xử lý phù hợp;

d) Mọi nguồn thu của khách hàng kể cả xử lý tài sản bảo đảm được ưu tiên thu nợ cho khoản vay tháo gỡ khó khăn và trả cho khoản vay cũ.

6. Các nội dung khác không quy định tại Điều này, Agribank thực hiện theo quy định tại Quy chế này và các quy định khác có liên quan đến hoạt động cấp tín dụng của Agribank.

Mục 4
Quyền, nghĩa vụ của Agribank và khách hàng

Điều 35. Quyền và nghĩa vụ của khách hàng

1. Khách hàng có quyền

a) Nhận đầy đủ tiền vay theo Thỏa thuận cho vay đã được giao kết giữa khách hàng và Agribank nơi cho vay;

b) Từ chối các yêu cầu của Agribank nơi cho vay không đúng với nội dung trong Thỏa thuận cho vay;

c) Khiếu nại, khởi kiện việc vi phạm Thỏa thuận cho vay theo quy định của pháp luật;

d) Yêu cầu Agribank thông báo lý do không cho vay;

đ) Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

2. Khách hàng có nghĩa vụ

a) [21]Cung cấp thông tin, tài liệu, dữ liệu theo khoản 3 Điều 8 Quy chế này, các thông tin, tài liệu, dữ liệu khác theo thỏa thuận giữa khách hàng với Agribank và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực, đầy đủ của các thông tin, tài liệu, dữ liệu đã cung cấp.

b) [22]Phải sử dụng vốn vay đúng mục đích đã cam kết, hoàn trả nợ gốc, lãi, phí đầy đủ, đúng hạn đã thỏa thuận với Agribank.

c) Chấp hành các yêu cầu kiểm tra, giám sát của Agribank về sử dụng vốn vay và trả nợ, tình hình tài sản bảo đảm, tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính của khách hàng;

---

[21] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 9 Điều 1 Quy chế số 579/QC-HĐTV-TD, có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2024.

[22] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 9 Điều 1 Quy chế số 579/QC-HĐTV-TD, có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2024.

d) Bàn giao tài sản và phối hợp với Agribank để xử lý tài sản bảo đảm khi có căn cứ xử lý theo Thỏa thuận cho vay, Hợp đồng bảo đảm tiền vay và quy định của pháp luật;

đ) Trường hợp sau khi áp dụng các biện pháp xử lý nợ nhưng không đủ để hoàn thành nghĩa vụ trả nợ đối với Agribank thì khách hàng có trách nhiệm tiếp tục trả đầy đủ nợ gốc và lãi tiền vay cho Agribank;

e) Thực hiện nghĩa vụ phạt vi phạm và bồi thường thiệt hại theo thỏa thuận với Agribank;

g) Thực hiện các thỏa thuận, cam kết khác nêu trong Thỏa thuận cho vay, Hợp đồng bảo đảm;

h) Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 36. Quyền và nghĩa vụ của Agribank

1. Agribank nơi cho vay có quyền

a) Yêu cầu khách hàng thực hiện đầy đủ nghĩa vụ theo khoản 2 Điều 35 Quy chế này;

b) Từ chối các yêu cầu không đúng với quy định của pháp luật, Quy chế này và Thỏa thuận cho vay với khách hàng;

c) Kiểm tra, giám sát quá trình việc sử dụng vốn vay, trả nợ của khách hàng;

d) Tạm ngừng cho vay, chấm dứt việc cho vay, thu hồi nợ trước hạn theo quy định tại Điều 15 Quy chế này;

đ) Áp dụng các biện pháp thu hồi nợ theo Thỏa thuận cho vay, Hợp đồng bảo đảm và quy định của pháp luật có liên quan khi đến hạn mà khách hàng không trả nợ;

e) Miễn, giảm lãi tiền vay, phí, cơ cấu lại thời hạn trả nợ, mua bán nợ theo quy định của NHNN và của Agribank. Khoanh nợ, xóa nợ theo quy định của Chính phủ, NHNN và hướng dẫn của Agribank;

g) Khởi kiện khách hàng, bên bảo đảm hoặc người bảo lãnh khi có vi phạm Thỏa thuận cho vay, Hợp đồng bảo đảm;

h) Tố cáo khách hàng khi có hành vi lừa đảo, gian lận, cố tình trốn tránh nghĩa vụ trả nợ;

i) Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

2. Agribank nơi cho vay có nghĩa vụ

a) Cung cấp thông tin quy định tại khoản 1 Điều 8 Quy chế này;

b) Thực hiện đúng nội dung trong Thỏa thuận cho vay;

c) Lưu giữ bộ hồ sơ vay vốn phù hợp với quy định của pháp luật;

d) Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Mục 5
Quản lý, xử lý nợ cho vay

Điều 37. Quản lý khoản vay vượt thẩm quyền; giao cho chi nhánh, Phòng giao dịch quản lý, thu hồi nợ

1. Đối với khoản vay được phê duyệt vượt thẩm quyền, Chi nhánh loại I chỉ được giao cho Chi nhánh loại II thực hiện một, một số khâu thuộc trách nhiệm của Agribank nơi cho vay nếu được cấp phê duyệt đồng ý.

2. Việc cho vay bằng ngoại tệ đối với Chi nhánh loại II không thực hiện dịch vụ thanh toán, chuyển tiền quốc tế trực tiếp, Chi nhánh loại I quyết định cho vay, ký Thỏa thuận cho vay, có thể giao cho Chi nhánh loại II thực hiện một, một số khâu thuộc trách nhiệm của Agribank nơi cho vay.

3. Đối với khoản vay thuộc thẩm quyền quyết định cho vay của Giám đốc Chi nhánh loại I, loại II (trực tiếp quản lý), Giám đốc chi nhánh có thể giao cho Phòng giao dịch tiếp cận, thẩm định khoản vay, Giám đốc chi nhánh quyết định cho vay, ký Thỏa thuận cho vay, Hợp đồng bảo đảm và phân công cho Phòng giao dịch thực hiện nghiệp vụ giải ngân và quản lý nợ cho vay, kiểm tra, giám sát, đôn đốc thu hồi nợ.

Điều 38. Kiểm tra, giám sát

Agribank có quyền, nghĩa vụ kiểm tra, giám sát việc sử dụng vốn vay và trả nợ của khách hàng theo quy định của pháp luật và quy định của Agribank, cụ thể:

1. Tại Agribank nơi cho vay

Giám đốc Agribank nơi cho vay chịu trách nhiệm chỉ đạo, tổ chức thực hiện việc quản lý, kiểm tra (định kỳ, đột xuất), giám sát thường xuyên tình hình hoạt động kinh doanh, sử dụng vốn vay, khả năng trả nợ của khách hàng để kịp thời đưa ra các biện pháp xử lý phù hợp theo quy định (bao gồm cả các khoản vay vượt thẩm quyền đã được phê duyệt).

2. Tại Agribank nơi phê duyệt vượt thẩm quyền

Cấp phê duyệt cho vay có quyền và có trách nhiệm kiểm tra, giám sát việc chấp hành các quyết định phê duyệt cho vay đối với Agribank nơi cho vay và khách hàng.

3. [23]Tổng Giám đốc quy định và hướng dẫn việc kiểm tra, giám sát bao gồm cả khoản vay có mức giá trị nhỏ, biện pháp xử lý qua việc kiểm tra, giám sát phù hợp với từng đối tượng khách hàng; xử lý qua kiểm tra, giám sát của cấp phê duyệt đối với khoản vay phê duyệt vượt thẩm quyền.

Điều 39. Quản lý, xử lý khoản nợ

1. Trường hợp khách hàng hoặc bên bảo đảm bị tòa án quyết định mở thủ tục phá sản hoặc tuyên bố phá sản, thì việc thu hồi nợ của Agribank đối với

[23] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 10 Điều 1 Quy chế số 579/QC-HĐTV-TD, có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2024.

khách hàng, bên bảo đảm thực hiện theo quy định của pháp luật về phá sản.

2. Đối với khoản nợ có vấn đề, Agribank thực hiện như sau:

a) Xác định tiêu chí, phương pháp xác định khoản nợ có vấn đề;

b) Tăng cường đánh giá khả năng trả nợ của khách hàng, khả năng thu hồi từ các biện pháp bảo đảm;

c) Xây dựng phương án xử lý khoản nợ có vấn đề (bao gồm cả chuyển giao quyền quản lý khoản vay cho chi nhánh khác);

d) Theo dõi, giám sát, thu hồi nợ có vấn đề;

đ) Xác định trách nhiệm của cá nhân, bộ phận liên quan đến khoản nợ xấu (nếu có) để có biện pháp xử lý.

3. Tổng Giám đốc hướng dẫn việc quản lý, xử lý khoản nợ có vấn đề quy định tại khoản 2 Điều này.

Điều 40. Cơ cấu lại thời hạn trả nợ

1. Agribank xem xét quyết định việc cơ cấu lại thời hạn trả nợ khi đáp ứng điều kiện sau:

a) Khách hàng không có khả năng trả nợ đúng hạn (gốc và/hoặc lãi tiền vay) theo thoả thuận và có đề nghị kiêm phương án trả nợ đến thời hạn sau khi cơ cấu thời hạn trả nợ của khách hàng;

b) Khách hàng được Agribank đánh giá là có khả năng trả đầy đủ nợ gốc và/hoặc lãi tiền vay theo kỳ hạn, thời hạn nợ sau khi cơ cấu lại thời hạn trả nợ;

c) Việc cơ cấu lại thời hạn trả nợ phù hợp khả năng tài chính của Agribank.

2. Agribank xem xét điều chỉnh kỳ hạn trả nợ gốc và/hoặc lãi tiền vay, gia hạn nợ với thời hạn phù hợp với nguồn trả nợ của khách hàng.

3. [24]Việc cơ cấu lại thời hạn trả nợ được thực hiện trên nguyên tắc người quyết định cơ cấu lại thời hạn trả nợ không là người quyết định cho vay đối với khoản vay đó, trừ trường hợp khoản vay do Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc phê duyệt. Trường hợp việc xét duyệt cơ cấu lại thời hạn trả nợ thuộc thẩm quyền của Hội đồng tín dụng Chi nhánh loại I thực hiện theo quy định về tổ chức và hoạt động của Hội đồng tín dụng trong hệ thống Agribank.

4. Cấp phê duyệt và quyết định cơ cấu lại thời hạn trả nợ

a) Điều chỉnh kỳ hạn trả nợ: Agribank nơi cho vay quyết định điều chỉnh kỳ hạn trả nợ (bao gồm cả khoản vay vượt thẩm quyền);

b) Gia hạn nợ: cấp nào đã phê duyệt/quyết định cho vay thì phê duyệt/quyết định gia hạn nợ đối với khoản vay đó, trừ các trường hợp sau:

(i) Khoản vay đã được Hội đồng thành viên phê duyệt cho vay thì Tổng

[24] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 1 Quy chế số 1546/QC-HĐTV-TD, có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2025.

Giám đốc phê duyệt gia hạn nợ;

(ii) [25]Agribank nơi cho vay quyết định gia hạn nợ các khoản nợ được cơ cấu giữ nguyên nhóm nợ theo quy định của Chính phủ, NHNN (bao gồm cả khoản vay vượt thẩm quyền).

c) Chi nhánh loại I quyết định cơ cấu lại thời hạn trả nợ đối với các khoản vay đã phân công cho Giám đốc chi nhánh loại II, Phòng giao dịch trực thuộc thực hiện một, một số khâu thuộc trách nhiệm của Agribank nơi cho vay; Chi nhánh loại II quyết định cơ cấu lại thời hạn trả nợ đối với các khoản vay đã phân công cho Giám đốc Phòng giao dịch trực thuộc thực hiện một, một số khâu thuộc trách nhiệm của Agribank nơi cho vay;

5. Việc cơ cấu lại thời hạn trả nợ được thực hiện trước hoặc trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày đến kỳ hạn, thời hạn trả nợ đã thỏa thuận.

6. Đối với các khoản vay vượt thẩm quyền, Agribank nơi cho vay báo cáo nơi phê duyệt vượt thẩm quyền ngay sau khi điều chỉnh kỳ hạn trả nợ, gia hạn nợ giữ nguyên nhóm nợ.

7. Tổng Giám đốc hướng dẫn trình tự, thủ tục cơ cấu lại thời hạn trả nợ.

Điều 41. Phân loại nợ, trích lập dự phòng rủi ro

Việc phân loại nợ, trích lập dự phòng rủi ro theo quy định của Agribank và pháp luật có liên quan.

Mục 6
Quản lý dữ liệu, hạch toán kế toán, báo cáo thống kê, quản lý và lưu giữ hồ sơ vay vốn

Điều 42. Đăng ký, quản lý, khai thác dữ liệu, thông tin tín dụng; hạch toán cho vay, thu nợ, báo cáo thống kê

1. Mức cho vay tối đa của từng khách hàng được đăng ký trong hệ thống IPCAS theo hướng dẫn của Tổng Giám đốc.

2. Thông tin về khoản vay được tập hợp, cập nhật vào hệ thống IPCAS đầy đủ kịp thời và đảm bảo khớp đúng giữa hồ sơ giấy và hệ thống IPCAS.

3. Việc truy cập để cập nhật, chỉnh sửa, khai thác dữ liệu theo phân cấp uỷ quyền.

4. Việc cung cấp thông tin cho vay ra ngoài hệ thống Agribank thực hiện theo quy định về cung cấp thông tin của NHNN và của Agribank.

5. Việc hạch toán cho vay, thu nợ, báo cáo thống kê thực hiện theo quy định của Agribank và quy định pháp luật có liên quan.

---

[25] Tiết này được sửa đổi theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 1 Quy chế số 1546/QC-HĐTV-TD, có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2025.

Điều 43. Quản lý bộ hồ sơ vay vốn, lưu giữ hồ sơ vay vốn

1. Cá nhân và đơn vị được giao quản lý bộ hồ sơ vay vốn phải theo dõi danh mục hồ sơ đến từng khách hàng, đến tài liệu bộ hồ sơ khoản vay.

2. [26]Các loại tài liệu lưu giữ

Agribank phải lưu giữ hồ sơ cho vay theo quy định, bao gồm:

a) Thông tin, tài liệu, dữ liệu đề nghị vay vốn (Hồ sơ đề nghị vay vốn do khách hàng cung cấp);

b) Tài liệu, dữ liệu thẩm định, quyết định cho vay: Báo cáo đề xuất cho vay, Báo cáo thẩm định (nếu có), Báo cáo thẩm định lại (nếu có), Biên bản họp/Bảng tổng hợp ý kiến Hội đồng tín dụng (nếu có), thông báo phê duyệt của cấp có thẩm quyền (đối với khoản vay vượt thẩm quyền);

c) Thỏa thuận cho vay;

d) Hồ sơ về biện pháp bảo đảm tiền vay (trường hợp cho vay có bảo đảm);

đ) Những tài liệu, dữ liệu phát sinh trong quá trình sử dụng vốn vay liên quan đến Thỏa thuận cho vay.

3. Việc quản lý, lưu giữ hồ sơ cho vay, thời hạn lưu giữ hồ sơ cho vay thực hiện theo quy định của pháp luật, NHNN và Agribank.

Mục 7
Nhiệm vụ, trách nhiệm trong hoạt động cho vay

Điều 44. Giám đốc Agribank nơi cho vay

Giám đốc Agribank nơi cho vay chịu trách nhiệm là người đứng đầu đơn vị trong việc chỉ đạo, điều hành toàn bộ hoạt động kinh doanh trong đó chịu trách nhiệm về hoạt động cho vay như triển khai thực hiện, kiểm tra, giám sát, xử lý thu hồi nợ tuân thủ theo quy định của Agribank và pháp luật có liên quan, đảm bảo chất lượng tín dụng theo chỉ đạo của Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc.

Điều 45. Người quan hệ khách hàng

1. Tiếp nhận nhu cầu vay vốn, hướng dẫn khách hàng về điều kiện vay vốn, hồ sơ, thủ tục, lãi suất cho vay và chính sách khách hàng của Agribank.

2. Thu thập thông tin, hồ sơ, tài liệu về khách hàng vay vốn, phương án sử dụng vốn phục vụ cho việc thẩm định, quyết định cho vay.

3. Thu thập thông tin, hồ sơ, khảo sát, đánh giá tính pháp lý, điều kiện, giá trị tài sản bảo đảm (trường hợp cho vay có bảo đảm bằng tài sản).

4. Phân tích, đánh giá thông tin, hồ sơ, tài liệu liên quan đến nhu cầu vay vốn.

---

[26] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 11 Điều 1 Quy chế số 579/QC-HĐTV-TD, có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2024.

5. Lập Báo cáo đề xuất cho vay/Báo cáo đề xuất cấp giới hạn tín dụng

Chịu trách nhiệm về tính hợp pháp, hợp lệ, đầy đủ của bộ hồ sơ vay vốn; tính chính xác, trung thực của nội dung Báo cáo đề xuất cho vay/Báo cáo đề xuất cấp giới hạn tín dụng và chịu trách nhiệm về đề xuất của mình.

6. Chuẩn bị hồ sơ, tài liệu cung cấp cho Hội đồng tín dụng (đối với trường hợp phải thông qua Hội đồng tín dụng).

7. Thông tin cho khách hàng biết về quyết định của Agribank theo quy định.

8. Quản lý, lưu giữ hồ sơ theo quy định.

Điều 46. Người thẩm định, Người thẩm định lại

1. Người thẩm định

a) Thẩm định khoản vay trên cơ sở thông tin, hồ sơ, tài liệu và Báo cáo đề xuất cho vay của Người quan hệ khách hàng;

b) Ghi ý kiến về kết quả thẩm định và đề xuất việc cho vay hay không cho vay; mức cho vay, thời hạn cho vay, biện pháp bảo đảm tiền vay, lãi suất và các nội dung khác có liên quan;

c) Chịu trách nhiệm tuân thủ quy định cho vay của Agribank và pháp luật về đề xuất cho vay.

2. Người thẩm định lại tại Agribank nơi cho vay

a) Thẩm định khoản vay trên cơ sở thông tin, hồ sơ, tài liệu và Báo cáo đề xuất cho vay của Người quan hệ khách hàng, Báo cáo thẩm định và tự khai thác, thu nhập (nếu cần thiết);

b) Ghi ý kiến về kết quả thẩm định lại;

c) Chịu trách nhiệm về đề xuất của mình.

3. Người thẩm định lại tại Agribank nơi phê duyệt vượt thẩm quyền

a) Tiếp nhận hồ sơ trình phê duyệt vượt thẩm quyền;

b) Kiểm tra, rà soát hồ sơ do Chi nhánh trình, thẩm định lại khoản vay trên cơ sở thông tin, hồ sơ, tài liệu, kết quả thẩm định của Chi nhánh trình vượt thẩm quyền; yêu cầu Chi nhánh bổ sung, làm rõ hồ sơ, thông tin, tài liệu (nếu thấy cần thiết);

c) Lập Báo cáo thẩm định lại; ghi ý kiến về kết quả thẩm định lại, đề xuất việc cho vay hay không cho vay, mức cho vay, thời hạn cho vay, biện pháp bảo đảm tiền vay, lãi suất và các nội dung khác có liên quan;

d) Lập Báo cáo đề xuất gia hạn nợ; ghi ý kiến đề xuất việc gia hạn nợ;

đ) Chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, hợp lệ hồ sơ do Chi nhánh trình; về đề xuất phê duyệt hay không phê duyệt cho vay của mình;

e) Chuẩn bị hồ sơ, tài liệu cung cấp cho Hội đồng tín dụng (đối với khoản vay phải thông qua Hội đồng tín dụng);

g) Soạn thảo văn bản phê duyệt cho vay;

h) Quản lý, lưu giữ hồ sơ theo quy định.

Điều 47. Hội đồng tín dụng

Áp dụng đối với khoản vay phải thông qua Hội đồng tín dụng. Chế độ làm việc, trách nhiệm của các thành viên Hội đồng tín dụng thực hiện theo quy định của Agribank từng thời kỳ.

Điều 48. Người quyết định cho vay, phê duyệt cho vay

1. [27]Người quyết định cho vay

a) Căn cứ hồ sơ khoản vay; đề xuất của Người quan hệ khách hàng, Người thẩm định, Người thẩm định lại (nếu có) để xem xét quyết định cho vay hay không cho vay theo thẩm quyền, chịu trách nhiệm về quyết định của mình;

b) Người quyết định cho vay có thể quyết định cho vay hoặc không cho vay, kể cả trường hợp cấp trên đã phê duyệt cho vay nếu thấy cần thiết và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

2. Người phê duyệt cho vay

a) Căn cứ vào Tờ trình của Tổng Giám đốc/Giám đốc chi nhánh, đề xuất tại Báo cáo thẩm định lại, Biên bản họp hoặc Bảng tổng hợp ý kiến Hội đồng tín dụng (nếu có), Người phê duyệt cho vay xem xét phê duyệt hoặc không phê duyệt cho vay theo thẩm quyền và chịu trách nhiệm về các quyết định của mình;

b) Ký văn bản phê duyệt cho vay hoặc từ chối cho vay (nếu có).

Điều 49. Người kiểm soát khoản vay

1. Kiểm soát nội dung Báo cáo đề xuất giải ngân, Báo cáo đề xuất cơ cấu lại thời hạn trả nợ, Báo cáo đề xuất xử lý nợ (Phương án xử lý nợ, biện pháp xử lý nợ vay, xử lý tài sản bảo đảm...), Báo cáo thẩm định lại tại nơi phê duyệt vượt thẩm quyền.

2. Kiểm soát và ký kiểm soát (ký tắt) từng trang Thỏa thuận cho vay, Hợp đồng bảo đảm.

3. Thực hiện kiểm soát các nội dung khác theo quy định có liên quan.

4. Chịu trách nhiệm về nội dung kiểm soát và các đề xuất của mình.

5. Đôn đốc, giám sát Người quản lý nợ thực hiện việc kiểm tra, giám sát khoản vay theo quy định.

Điều 50. Người giao kết hợp đồng tín dụng, Người phê duyệt giải ngân

1. Người giao kết hợp đồng tín dụng

a) Ký kết Thỏa thuận cho vay;

---

[27] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 5 Điều 1 Quy chế số 1546/QC-HĐTV-TD, có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2025.

b) Nội dung Thỏa thuận cho vay phải thực hiện theo Quy chế này, quyết định cho vay, quyết định phê duyệt cho vay.

2. Người phê duyệt giải ngân

Thực hiện rà soát, xem xét phê duyệt giải ngân khi đáp ứng các yêu cầu sau:

a) Số tiền giải ngân trong mức cho vay tối đa đã được duyệt;

b) Đáp ứng về điều kiện giải ngân theo Thỏa thuận cho vay;

c) Chứng từ giải ngân, phương thức thanh toán theo quy định.

Điều 51. Người kiểm tra, Người giám sát khoản vay vượt thẩm quyền

1. Người kiểm tra khoản vay vượt thẩm quyền

a) Kiểm tra các khoản vay vượt thẩm quyền:

(i) Đánh giá tình hình chấp hành các nội dung cho vay theo văn bản thông báo phê duyệt cho vay của cấp có thẩm quyền;

(ii) Đánh giá tình hình thực hiện phương án sử dụng vốn; tình hình tài chính; khả năng trả nợ của khách hàng.

b) Trường hợp phát hiện vi phạm, Người kiểm tra khoản vay vượt thẩm quyền phải đề xuất biện pháp xử lý sau kiểm tra.

2. Người giám sát khoản vay vượt thẩm quyền

a) Đăng ký thông tin phê duyệt trên hệ thống IPCAS;

b) Đề xuất thay đổi các thông tin trên hệ thống IPCAS (nếu có);

c) Giám sát các khoản vay vượt thẩm quyền. Trường hợp phát hiện vi phạm, phải đề xuất người có thẩm quyền tổ chức kiểm tra đột xuất và đề xuất biện pháp xử lý khác sau giám sát;

d) Quản lý, lưu giữ hồ sơ theo quy định.

Điều 52. Người quản lý nợ

1. Trực tiếp theo dõi quá trình vay vốn và trả nợ của khách hàng.

2. Thông tin cho khách hàng biết về các quyết định của Agribank theo quy định.

3. Soạn thảo Thỏa thuận cho vay, Hợp đồng bảo đảm; cung cấp cho khách hàng đầy đủ các thông tin tại Thỏa thuận cho vay trước khi thực hiện giao kết; lập hồ sơ đề xuất giải ngân.

4. Nhập, cập nhật số liệu trong bộ hồ sơ cho vay vào hệ thống, đảm bảo khớp đúng giữa hồ sơ giấy và hồ sơ trên IPCAS.

5. Thực hiện việc kiểm tra sau khi cho vay; đề xuất biện pháp xử lý qua kiểm tra, giám sát; thực hiện những biện pháp xử lý nợ theo quy định.

6. Đôn đốc khách hàng trả nợ đến hạn, quá hạn gốc, lãi, phí (bao gồm cả nợ đã xử lý rủi ro, nợ bán VAMC).

7. Nhận hồ sơ, đánh giá nhu cầu và đề xuất giải ngân, cơ cấu lại thời hạn trả nợ gốc và/hoặc lãi của khách hàng; định kỳ chấm điểm xếp hạng khách hàng, phân loại nợ, đề xuất trích lập dự phòng và xử lý rủi ro theo quy định hiện hành.

8. Đề xuất việc điều chỉnh lãi suất cho vay, thay đổi về tài sản bảo đảm.

9. Quản lý, lưu giữ hồ sơ theo quy định.

Điều 53. Giao dịch viên

1. Hạch toán đầy đủ, chính xác, kịp thời các nghiệp vụ: giải ngân, thu nợ, thu lãi, phí, thế chấp/cầm cố tài sản bảo đảm.

2. Điều chỉnh lãi suất cho vay trên hệ thống IPCAS trên cơ sở phê duyệt điều chỉnh lãi suất cho vay (nếu có).

3. Quản lý, lưu giữ hồ sơ theo quy định.

4. Thực hiện công việc khác theo quy định.

Điều 54. Cá nhân, đơn vị khác

Trách nhiệm của cá nhân, đơn vị khác thực hiện theo quy chế về chức năng nhiệm vụ và tổ chức hoạt động của mình, Quy chế này và các quy định khác có liên quan.

Mục 8
Hoạt động cho vay bằng phương tiện điện tử

Điều 55. Nguyên tắc cho vay bằng phương tiện điện tử

1. Việc cho vay bằng phương tiện điện tử đảm bảo an ninh, an toàn, bảo vệ thông điệp dữ liệu và bảo mật thông tin phù hợp với quy định của pháp luật về phòng, chống rửa tiền, giao dịch điện tử, hướng dẫn của NHNN về quản lý rủi ro và các văn bản pháp luật có liên quan.

2. Hệ thống thông tin thực hiện hoạt động cho vay bằng phương tiện điện tử phải tuân thủ quy định về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin cấp độ 3 trở lên theo quy định của Chính phủ về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ và quy định của NHNN về an toàn hệ thống thông tin trong hoạt động ngân hàng.

3. Việc lưu trữ, bảo quản thông tin, dữ liệu theo quy định của pháp luật, đảm bảo an toàn, bảo mật và được sao lưu dự phòng đảm bảo tính đầy đủ, toàn vẹn của hồ sơ cho phép truy cập, sử dụng khi cần thiết hoặc để phục vụ công tác kiểm tra, đối chiếu, giải quyết tra soát, khiếu nại, tranh chấp và cung cấp thông tin khi có yêu cầu từ cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

4. Có biện pháp, hình thức, công nghệ phục vụ hoạt động cho vay bằng phương tiện điện tử, tự chịu rủi ro phát sinh (nếu có) và phải đáp ứng tối thiểu các yêu cầu sau:

a) Có giải pháp, công nghệ kỹ thuật đảm bảo tính chính xác, bảo mật, an toàn trong quá trình thu thập, sử dụng, kiểm tra thông tin, dữ liệu;

b) Có biện pháp kiểm tra, đối chiếu, cập nhật, xác minh thông tin, dữ liệu; có biện pháp ngăn chặn các hành vi giả mạo, can thiệp, chỉnh sửa làm sai lệch thông tin, dữ liệu;

c) Có biện pháp theo dõi, nhận dạng, đo lường và kiểm soát rủi ro; có phương án xử lý rủi ro;

d) Phân công trách nhiệm cụ thể từng cá nhân, bộ phận có liên quan trong hoạt động cho vay bằng phương tiện điện tử và trong việc quản lý, giám sát rủi ro.

Điều 56. Quy định cụ thể hoạt động cho vay bằng phương tiện điện tử

Tổng Giám đốc ban hành quy định cụ thể hoạt động cho vay bằng phương tiện điện tử phù hợp với quy định của NHNN, pháp luật có liên quan với những nội dung cơ bản sau:

1. Nhận biết, xác minh thông tin nhận biết khách hàng.

2. Dư nợ cho vay đối với một khách hàng là cá nhân vay vốn phục vụ nhu cầu đời sống tại Agribank và được nhận biết, xác minh thông tin nhận biết khách hàng theo quy định tại Điều 32b Thông tư số 06/2023/TT-NHNN không vượt quá 100.000.000 (một trăm triệu) đồng Việt Nam.

3. Hồ sơ vay vốn.

4. Thẩm định và quyết định cho vay, thẩm quyền quyết định cho vay, phân định trách nhiệm từng cá nhân, bộ phận xây dựng, thiết lập và vận hành hệ thống thông tin phục vụ khâu thẩm định và quyết định cho vay.

5. Thỏa thuận cho vay.

6. Phương tiện thanh toán được sử dụng để giải ngân vốn vay.

7. Lưu giữ hồ sơ cho vay trong đó quy định về lập hồ sơ cho vay dưới dạng thông điệp dữ liệu phù hợp với quy định của pháp luật về lưu trữ, pháp luật về giao dịch điện tử và pháp luật có liên quan.

Chương III
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 57. Quy định chi tiết và hướng dẫn Quy chế

Tổng Giám đốc quy định chi tiết và hướng dẫn Quy chế này phù hợp với quy định pháp luật có liên quan và không trái với Quy chế này:

1. Quy trình cho vay, chi tiết bộ hồ sơ cho vay; quyết định việc sử dụng hoặc không sử dụng hợp đồng theo mẫu, chi tiết về Thỏa thuận cho vay; kiểm tra, giám sát, xử lý nợ vay; cơ cấu thời hạn trả nợ; hạch toán thu nợ, lãi; khai báo, đăng ký thông tin trên hệ thống IPCAS; quản lý các khoản nợ có vấn đề; chuyển giao khoản nợ giữa các Chi nhánh; quản lý hồ sơ tín dụng.

2. Quy định, hướng dẫn các sản phẩm cho vay và các phương thức cho vay.

3. Quy định cụ thể về lãi suất cho vay, lãi suất chậm trả, phương pháp tính lãi, phương thức áp dụng lãi suất, phí liên quan đến hoạt động cho vay phù hợp với quy định của NHNN và chính sách khách hàng của Agribank trong từng thời kỳ.

4. Quy định tiêu chí đánh giá khách hàng có tình hình tài chính minh bạch, lành mạnh đối với nhu cầu cho vay ngắn hạn bằng đồng Việt Nam không vượt quá mức lãi suất cho vay tối đa do Thống đốc NHNN quyết định trong từng thời kỳ nhằm đáp ứng một số nhu cầu vốn theo quy định của NHNN.

5. Xây dựng và quản lý các hạn mức, giới hạn cấp tín dụng.

6. Quy định về địa bàn cho vay.

7. Hướng dẫn trong trường hợp trả nợ bằng đồng tiền khác với đồng tiền cho vay.

8. Hướng dẫn trình tự, thủ tục trình phê duyệt giới hạn tín dụng, quản lý, giám sát và quyết định cho vay trong giới hạn tín dụng tối đa; rà soát, đánh giá giới hạn tín dụng tối đa đối với một khách hàng hàng năm.

9. Quy định về hoạt động cho vay bằng phương tiện điện tử theo từng đối tượng khách hàng, sản phẩm tín dụng.

9a. [28]Tiêu chí, phương pháp theo dõi, quản lý đối với người có liên quan của khách hàng theo quy định tại điểm g khoản 38 Điều 2 Quy chế này nhằm quản trị rủi ro nội bộ trong từng thời kỳ.

10. [29]Hướng dẫn các nội dung được sửa đổi theo Quy chế này và các nội dung khác theo hướng chặt chẽ nhằm hạn chế rủi ro và an toàn vốn vay.

Điều 58. Hiệu lực thi hành

1. Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày 01/9/2023.

Quy chế số 899/QC-HĐTV-TD ngày 27/12/2022 của Hội đồng thành viên về cho vay đối với khách hàng trong hệ thống Agribank và các nội dung liên quan đến hoạt động cho vay đối với khách hàng do Agribank quy định tại các văn bản khác trái với Quy chế này hết hiệu lực kể từ ngày Quy chế này có hiệu lực.

2. Đối với các Thỏa thuận cho vay đã được ký kết trước ngày Quy chế này có hiệu lực thi hành, Agribank nơi cho vay và khách hàng tiếp tục thực hiện các nội dung trong Thỏa thuận cho vay đã ký kết phù hợp với quy định của Agribank, của pháp luật có hiệu lực thi hành tại thời điểm ký kết cho đến khi Thỏa thuận cho vay hết hiệu lực hoặc thỏa thuận sửa đổi, bổ sung phù hợp với quy định tại Quy chế này.

---

[28] Khoản này được bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 12 Điều 1 Quy chế số 579/QC-HĐTV-TD có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2024 và được sửa đổi theo quy định tại khoản 6 Điều 1 Quy chế số 1546/QC-HĐTV-TD, có hiệu lực kể từ ngày 01/012025

[29] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 12 Điều 1 Quy chế số 579/QC-HĐTV-TD, có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2024

Điều 59. Điều khoản thi hành

1. Trường hợp sau ngày Quy chế này có hiệu lực mà có sự thay đổi của văn bản quy phạm pháp luật dẫn đến việc áp dụng Quy chế này trái với quy định của pháp luật hiện hành thì Agribank thực hiện theo quy định của pháp luật.

2. Agribank nơi cho vay thông báo công khai Quy chế này để khách hàng vay vốn và những người có liên quan biết cùng thực hiện.

3. Mọi sửa đổi, bổ sung Quy chế này do Hội đồng thành viên quyết định.

4. Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc, các đơn vị, cá nhân có liên quan thuộc Agribank hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam chịu trách nhiệm thi hành Quy chế này.

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT

TRƯỞNG BAN CSTD	**TRƯỞNG BAN PHÁP CHẾ**
Nguyễn Văn Bách	**Đỗ Quang Phong**

Nơi nhận:
- Hội đồng thành viên;
- Tổng Giám đốc;
- Các Phó Tổng Giám đốc;
- Ban Kiểm soát;
- Các Ủy ban, Ban, Trung tâm tại TSC;
- VPĐD, ĐVSN;
- Chi nhánh loại I, loại II;
- Lưu: VP, PC, TD. (22) ay

M.S.D.N: 0100686174 - C.T.T.N.H.H. NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆT NAM Q. BA ĐÌNH - TP. HÀ NỘI

CNHaiDuong_CNHaiDuong_07_18/02/2025 haiduong_CNHaiDuong_07

NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆT NAM
CHI NHÁNH TỈNH HẢI DƯƠNG
PHÒNG TỔNG HỢP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hải Dương, ngày 18 tháng 02 năm 2025

PHIẾU TRÌNH CHUYỂN VĂN BẢN

Kính trình: Giám đốc Agribank Chi nhánh tỉnh Hải Dương

Ý kiến của lãnh đạo	Nội dung trình
Nơi nhận và triển khai văn bản: ☑ **Ban Giám đốc** ☑ **Các phòng nghiệp vụ** ☐ Tổng hợp ☐ Kế toán và Ngân quỹ ☐ Thanh toán quốc tế ☐ Kiểm tra, giám sát nội bộ ☐ Kế hoạch và QLRR ☐ KH Cá nhân ☐ KH Doanh nghiệp ☐ Thẩm định ☐ Văn phòng Công đoàn ☑ **Chi nhánh loại II** ☐ 2301 CN Thành phố ☐ 2302 CN Ninh Giang ☐ 2305 CN Thanh Miện ☐ 2306 CN Cẩm Giàng ☐ 2308 CN Thanh Hà ☐ 2309 CN Bình Giang ☐ 2310 CN Gia Lộc ☐ 2312 CN Tứ Kỳ ☐ 2313 CN Thành Đông …… …… ……	**Số:** 2057/VBHN-NHNo-TD **Ngày:** 17/02/2025 **Nơi gửi:** NHNoVN **Nội dung:** Văn bản hợp nhất quy chế cho vay đối với khách hàng trong hệ thống Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam M.S.C.N: 01006861/4-174-C.T.T.N.H.H NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆT NAM CHI NHÁNH TỈNH HẢI DƯƠNG TP. HẢI DƯƠNG T. HẢI DƯƠNG PHÓ GIÁM ĐỐC MAI MỸ HẠNH

NGƯỜI TRÌNH CHUYỂN

Phạm Thị Diễm